

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024.

**BÁO CÁO**  
**Thường niên năm 2023**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

**I. Thông tin chung**

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 11 tháng 07 năm 2023.
- Vốn điều lệ: 254.098.470.000 đồng (Hai trăm năm mươi tư tỷ, chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 254.098.470.000 đồng (Hai trăm năm mươi tư tỷ, chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)
- Địa chỉ: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Số điện thoại: (+84-24) 33868243
- Số fax: (+84-24) 33868243
- Website: <http://scigroup.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): SCI
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)
  - Từ năm 2006 đến năm 2007: Nhà máy chế tạo cơ khí Sông Đà trực thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 9. Nhiệm vụ chính:
    - + Chế tạo, lắp đặt các cấu kiện cơ khí; sản xuất phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng;
    - + Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, máy xây dựng và xe;
    - + Xây dựng đường dây và trạm biến thế.
  - Từ năm 2007 đến năm 2010: Công ty TNHH MTV cơ khí và sửa chữa Sông Đà 9. Nhiệm vụ chính:
    - + Chế tạo, lắp đặt các cấu kiện cơ khí; sản xuất phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng;
    - + Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, máy xây dựng và xe;
    - + Xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng, thiết bị công nghệ xây;
    - + Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
    - + Khai thác mỏ và sản xuất vật liệu xây dựng.
  - Từ năm 2010 đến năm 2016: Công ty tiến hành cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần



Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty đã năng động hơn để thích ứng với điều kiện của kinh tế thị trường, mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh, chú trọng vào phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ, giao thông đường thủy, thủy điện, nhiệt điện, thủy lợi, xây lắp điện; từng bước chuyển dần một phần tỷ trọng xây lắp sang thương mại, dịch vụ, đầu tư. Tăng cường nhân lực chất lượng cao, máy móc thiết bị hiện đại.

□ Từ năm 2017 đến nay: Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần SCI E&C để đồng bộ với các Công ty trong Tập đoàn và vẫn tiếp tục phát triển các ngành nghề theo định hướng chiến lược.

□ Hiện tại, mức vốn điều lệ của Công ty cổ phần SCI E&C là 254 tỷ đồng.

- Các sự kiện khác:

### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Nếu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Xây dựng.

- Địa bàn kinh doanh: (Nếu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Việt Nam và Lào.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### 3.1. Mô hình quản trị (nếu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp):

Tuân thủ theo điều 137, Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Công ty Cổ phần SCI E&C hoạt động theo mô hình gồm có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc.

Trong đó, ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty có hai người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty.

#### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

##### **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, quyết định về đầu tư, kinh doanh, chuyển nhượng, thế chấp giá trị lớn, quyết định về sáp nhập, mua lại hợp nhất, chia tách công ty, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty được quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty.

##### **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển của Công ty; xây dựng các kế hoạch phát triển kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức; quy chế quản lý; đưa ra các quyết định nhằm đạt được mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cơ cấu Hội đồng quản trị đương nhiệm:

- Ông Phan Thanh Hải

- Chủ tịch HĐQT

- Ông Nguyễn Chính Đại

- Phó chủ tịch HĐQT (Quyết định bổ nhiệm ngày 29/12/2022)

- Ông Nguyễn Công Hùng - Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 31/03/2023)
- Ông Lưu Minh Thành - Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Tài Sơn - Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Quang Thiện - Thành viên HĐQT

#### ***Ủy ban kiểm toán***

Ủy ban kiểm toán là cơ quan giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty, tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty và các hoạt động khác nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty. Ủy ban kiểm toán gồm:

- Ông Nguyễn Quang Thiện - Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
- Ông Nguyễn Tài Sơn - Thành viên Ủy ban kiểm toán

#### ***Ban Giám đốc Công ty***

Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Ban Giám đốc gồm:

- Ông Nguyễn Chinh Đại - Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2023)
- Ông Lưu Minh Thành - Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/01/2023)
- Ông Nguyễn Chí Tuyền - Phó giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/05/2023)
- Ông Nguyễn Cao Hải - Phó giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/05/2023)
- Ông Bùi Chí Giang - Phó Giám đốc (Quyết định bổ nhiệm ngày 23/06/2023)
- Ông Nguyễn Công Hòa - Phó giám đốc
- Bà Mai Thị Vân Anh - Phó giám đốc

#### ***Ban Kiểm toán nội bộ***

Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Ủy ban kiểm toán. Ban Kiểm toán nội bộ gồm:

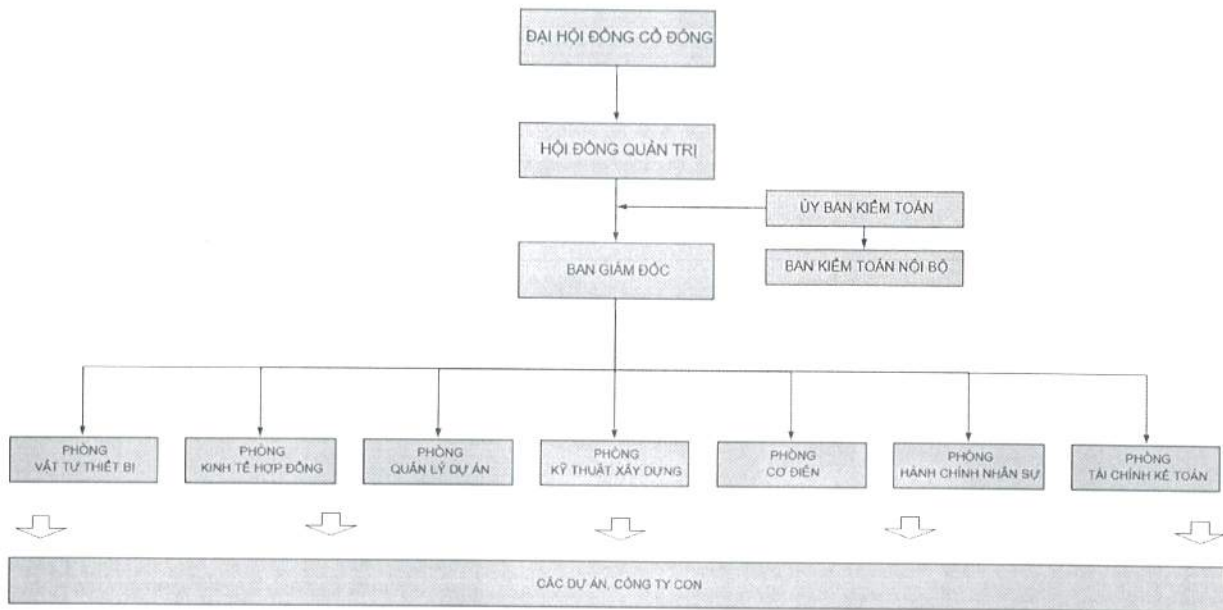
- Ông Nguyễn Đức Duy - Trưởng ban
- Ông Lê Tuấn Anh - Phó trưởng ban
- Ông Nguyễn Văn Hùng - Thành viên

**Các công ty con, công ty liên kết** (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết)

- Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc
- + Địa chỉ: Bản Nà Cúng, Xã Bản Lang, Huyện Phong Thổ, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam;
- + Lĩnh vực: Xây lắp;
- + Vốn điều lệ thực góp: 2.000.000.000 đồng;
- + Tỷ lệ sở hữu: 100%.

**Các phòng ban, đội, chi nhánh, Công ty thành viên**

Các phòng ban, bộ phận, Chi nhánh, Công ty thành viên trong Công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc được hiệu quả và đúng luật.



#### 4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

“Chất lượng cho từng sản phẩm” luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty cổ phần SCI E&C, là uy tín, danh dự để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều Công ty muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi. Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình.

Phương châm công ty đề ra :

i. Cung cấp các công trình xây dựng đảm bảo đạt “An toàn - Chất lượng - Tiến độ” và không ngừng cải tiến để đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng.

ii. Nâng cao sự hài lòng của khách hàng bằng việc liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng và chất lượng sản phẩm theo nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

iii. Tạo niềm tin và uy tín đối với khách hàng thông qua việc cung cấp các sản phẩm có chất lượng tốt, ổn định đáp ứng, thoả mãn các yêu cầu của khách hàng cũng như các yêu cầu của Luật pháp.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Trong suốt quá trình phát triển của mình, Công ty luôn giữ vững phương châm “Chất lượng và đảm bảo tiến độ là thương hiệu”, để đạt được điều đó Công ty đã không ngừng đầu tư công nghệ, đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực. Công ty luôn đưa ra những quyết sách phù hợp với tình hình thực tế từng thời kỳ để giữ vững vị thế là một trong những công ty hàng đầu về lĩnh vực thi công các công trình thủy lợi, thủy điện. Cụ thể như sau:

+Tập trung thi công các công trình đã ký kết, đảm bảo đúng tiến độ, đúng chất lượng kỹ thuật.

+ Nhanh chóng nghiệm thu các công trình đã hoàn thành, thúc đẩy quá trình thu hồi vốn để tái sản xuất.

+ Nghiên cứu công nghệ mới, phục vụ cho quá trình thi công.

+ Nâng cao hơn nữa hoạt động Marketing trong thời gian tới, tham gia đấu thầu các công trình, các dự án trọng điểm, đặc biệt là các dự án về năng lượng.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Công ty cố gắng triển khai các hoạt động để đảm bảo việc phát triển bền vững liên quan đến môi trường, xã hội và cộng đồng như: Giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường, hỗ trợ lao động địa phương tại các công trình thi công...

Trên cơ sở các dự án đang thực hiện, Công ty tiếp tục nỗ lực thực hiện nhằm đáp ứng mục tiêu tiến độ, chất lượng các dự án đang triển khai, cụ thể như sau:

1. Công trình Thủy điện Nậm Lụm 1:

- Hòa lưới điện 02 tổ máy tháng 01/2023, khắc phục sự cố sạt mái.

2. Công trình Thủy điện Nậm Lụm 2:

- Hoàn thành toàn bộ công tác lắp đặt thiết bị, thí nghiệm hiệu chỉnh và hòa lưới điện 02 tổ máy vào tháng 2/2023.

3. Công trình Thủy điện Nậm Xe:

- Hoàn thành công tác thi công xây dựng một số hạng mục còn lại như hầm dẫn nước, đập chính; lắp đặt thiết bị, thí nghiệm hiệu chỉnh và hòa lưới điện 02 tổ máy vào tháng 6/2023.

4. Công trình Thủy điện Nam Sam 3:

- Đập chính, đập tràn: Hoàn thành bê tông RCC đập chính; bê tông CVC đập tràn;

- Cơ khí thủy công: Hoàn thành cổng xả sâu; cửa nhận nước; cửa van cung, cửa van phẳng đập tràn; đường ống áp lực;

- Thiết bị nâng hạ: Hoàn thành cổng trục chân dê 2x45T trên đập; cầu trục gian máy 150T; cầu trục chân dê hạ lưu nhà máy 2x7.5T.

- Tuyển năng lượng:

+ Hoàn thành đào và gia cố tạm hầm gương 1; hầm gương 2; Gia cố vĩnh cửu hầm gương 3; hầm gương 4;

+ Giếng điều áp: Hoàn thành đào mở rộng; bê tông tháp.

+ Thi công bê tông cống hộp; gia cố vĩnh cửu hầm gương 5

- Nhà máy:

+ Phần xây dựng: Hoàn thiện bê tông nhà máy đến cao trình sàn lắp ráp +373m; Hoàn thiện nhà máy trên cao trình +373m.

+ Phần lắp đặt thiết bị cơ điện: Hoàn thành lắp đặt buồng xoắn của 3 tổ máy; lắp đặt MBA của 3 tổ máy; Đang thực hiện lắp đặt tuabin 3 tổ máy, cụm van MIV của 3 tổ máy, hệ thống nước kỹ thuật, dầu cao áp, PCCC, phụ trợ cơ khí, hệ thống tủ điện trong nhà máy, kéo rải và đấu nối cáp nhất thứ nhà máy.

- Trạm biến áp: Hoàn thành công tác xây dựng; Lắp đặt kết cấu trụ cột, xà poctic, thiết bị; Đang thực hiện kéo rải và đấu nối cáp nhất thứ, nhị thứ.

- Kênh xả: Hoàn thành bê tông kênh xả;

- Nhà QLVH: Đang thực hiện nhà QLVH Nhà máy.

5. Dự án thủy điện Nậm Mỏ 2

- Thiết kế: Được phê duyệt Basic design;
- Thi công phụ trợ: Hoàn thành lắp đặt thiết bị phụ trợ trạm nghiền, trạm trộn, lán trại;
- Thi công tuyến năng lượng: Đang thực hiện đào và gia cố tạm hầm gương 1, hầm phụ;
- Kênh xả: Đang thực hiện;
- Cửa nhận nước: Hoàn thành đào cửa nhận nước, gia cố mái cửa nhận nước trước cửa hầm G1.
- Đập tràn: Đang thực hiện đào hố móng đập tràn, hoàn thiện hầm dẫn dòng.
- Đập chính: Đang thực hiện bê tông bê phản áp, đào hố móng đập chính.

6. Dự án Khu công nghiệp Phong Điền

- Tuyến D2, N5, N3, D1, D4, N4: Hoàn thành hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, kết cấu nền đường, móng đường, hệ thống cấp nước, chiếu sáng; đang thực hiện bó vỉa, cây xanh.

7. Dự án duy tu Nhà máy thủy điện Ca Nan 1, Ca Nan 2

- Hoàn thành xây dựng nhà kho nhà máy thủy điện Canan 2;
- Đường thi công: Đang thực hiện thi công nền, láng nhựa.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh,...).

5.1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần SCI E&C. Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái....

Rủi ro tăng trưởng

- Sự phát triển của ngành xây dựng phụ thuộc nhiều vào tốc độ tăng trưởng kinh tế. Khi nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi trở lại, Chính phủ sẽ tăng mức giải ngân vào lĩnh vực xây dựng, đặc biệt là xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các dự án về năng lượng. Cùng với đó là sự đầu tư mạnh mẽ của các doanh nghiệp FDI trong thời gian gần đây cũng đã góp phần khiến giá trị ngành xây dựng tăng mạnh.

- Như vậy, triển vọng tích cực của nền kinh tế sẽ làm giảm rủi ro kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần SCI E&C nói riêng.

Lạm phát

- Công ty Cổ phần SCI E&C là doanh nghiệp xây dựng nên luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát trong 2023 đã ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

Lãi suất

- Năm 2023, lãi suất đang có xu hướng điều chỉnh giảm dần vào cuối năm. Năm 2023, lãi suất cho vay phổ biến ở mức 6,7-8.3% / năm. Công ty Cổ phần SCI E&C có sử dụng vốn vay ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm trong những tháng gần đây đã tạo điều kiện cho công ty giảm chi phí lãi vay.

Tỷ giá hối đoái

- Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

- Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ. Do vậy các biến động tỷ giá hối đoái sẽ làm

thay đổi chi phí sản xuất (tính ra đồng Việt Nam) của Công ty.

## 5.2. Rủi ro pháp luật

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập, các luật về đất đai, xây dựng, môi trường,... Đồng thời, Công ty cũng chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành Xây dựng, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

- Tuy nhiên, hiện nay hệ thống Pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật kịp thời những thay đổi trong môi trường pháp luật để định hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

## 7.3. Rủi ro đặc thù

### Rủi ro biến động giá nhiên liệu đầu vào

- Công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng. Để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Hiện nay, nguồn nhiên liệu sử dụng trong nền kinh tế phần lớn phụ thuộc vào nhập khẩu. Trong thời gian qua, giá cả các loại nhiên liệu nhập khẩu biến động thất thường, chủ yếu là do những bất ổn về chính trị tại một số khu vực trên thế giới, hoặc do sự thay đổi trong chính sách khai thác, dự trữ nhiên liệu của một số quốc gia có nền công nghiệp dầu mỏ hoặc nền kinh tế phát triển. Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của giá cả vật tư, nhiên liệu đầu vào đến kết quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động. Mặc dù vậy, có thể nói đây vẫn là rủi ro lớn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

### Rủi ro khoán phải thu khó đòi

- Do đặc điểm của ngành xây dựng, các công trình thi công thường kéo dài qua nhiều năm, thời gian quyết toán, hoàn thiện hồ sơ thi công giữa các bên và thời gian thanh toán các công trình, hạng mục công trình kéo dài. Đặc điểm này tiềm ẩn rủi ro tài chính và khả năng trả nợ của Công ty khi có khách hàng bị phá sản, mất khả năng thanh toán, hoặc khi các công trình thi công bị thiệt hại do các nguyên nhân khách quan... Để giảm thiểu rủi ro này, công ty sẽ đánh giá kỹ các công trình thực hiện và năng lực tài chính của chủ đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư ứng trước theo từng giai đoạn công trình.

### Rủi ro vận hành

- Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chủ đầu tư về tiến độ thi công các công trình, hạng mục công trình, nhiều khi Công ty phải tiến hành thi công xây dựng trong những điều kiện thời tiết xấu, địa hình phức tạp, có thể xảy ra tai nạn lao động, hỏng hóc và ngưng trệ hoạt động máy móc thiết bị, gián đoạn quá trình thi công, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## 5.4. Rủi ro khác

- Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.





- Ông Nguyễn Chính Đại Phó chủ tịch HĐQT (Quyết định bổ nhiệm ngày 29/12/2022)
- Ông Nguyễn Công Hùng Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 31/03/2023)
- Ông Lưu Minh Thành Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Tài Sơn Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Quang Thiện Thành viên HĐQT

❖ **Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị**

↓ **Ông Phan Thanh Hải Chủ tịch HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 07/01/1984.
- Nơi sinh: Quỳnh Châu - Nghệ An
- Số CMTND: 040084000004.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Quỳnh Châu - Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú: KĐT Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 2007 ÷ 2008: Kỹ sư tại Công ty TNHH hệ thống thông tin FPT.
  - + 2009 ÷ 2010: Kỹ sư Công ty cổ phần hệ thống thông tin FPT.
  - + 2010 ÷ 2011: P.TCKT Công ty CP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9.
  - + 2011 ÷ 2012: P.P.TCHC Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  - + 2012 ÷ 2014: Đội phó Đội XL số 1 Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  - + 2014 ÷ 2016: Trợ lý giám đốc Công ty CP SCI E&C.
  - + 2016 ÷ 2017: Kế toán trưởng Công ty CP SCI E&C.
  - + 2017 ÷ 2018: P. Giám đốc Công ty CP SCI E&C.
  - + 2018 ÷ 2019: Giám đốc Công ty CP SCI E&C.
  - + 2019 ÷ 2021: P. Giám đốc Công ty CP SCI E&C.
  - + 2021 ÷ nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP SCI E&C.
- Số cổ phần nắm giữ: 7.644.501 cổ phần (tỷ lệ 30,08%).  
Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 21.547 cổ phần (tỷ lệ 0,08%).
  - + Đại diện sở hữu: 7.622.954 cổ phần (tỷ lệ 30%).
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

↓ **Ông Nguyễn Chính Đại Phó Chủ tịch HĐQT**

- Giới tính: Nam.
  - Ngày tháng năm sinh: 21/04/1978.
  - Nơi sinh: Phú Xuyên, TP. Hà Nội.
  - Số CMTND: 013025232.
  - Quốc tịch: Việt Nam.
  - Dân tộc: Kinh.
  - Quê quán: Phú Xuyên, TP. Hà Nội.
  - Địa chỉ thường trú: Thanh Lương, Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và Công nghiệp.
  - Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
    - + 2001 ÷ 2003: Kỹ sư giám sát Công ty Liên doanh xây dựng quốc tế VIC;
    - + 2003 ÷ 2004: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Hà Nội;
    - + 2004 ÷ 2007: Phó giám đốc Xí nghiệp 1- Công ty cổ phần Sông Đà 909;
    - + 2007 ÷ 2009: Giám đốc BQL Dự án Nhà máy thủy điện Phình Hồ - Công ty cổ phần Sông Đà 909;
    - + 2010 đến 2016: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc - Công ty CP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9.
    - + 2016 đến nay 2018: Giám đốc Công ty CP SCI E&C
    - + 2018 đến 09/2019: Chủ tịch HĐQT Công ty CP SCI E&C
    - + 10/2019 đến 2022: Thành viên HĐQT Công ty CP SCI E&C kiêm Giám đốc Công ty CP SCI E&C.
    - + 2023 tới nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP SCI E&C.
  - Chức vụ hiện nay tại Công ty : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP SCI E&C.
  - Số cổ phần nắm giữ: 5.336.058 cổ phần (tỷ lệ 21,00%).
- Trong đó:
- + Sở hữu cá nhân: 21 cổ phần (tỷ lệ 0,00%).
  - + Đại diện sở hữu: 5.336.037 cổ phần (tỷ lệ 21,00%).
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
  - Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
  - Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.
  - Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

✚ **Ông Lưu Minh Thành**

**Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 25/07/1991.
- Nơi sinh: Quảng Trị.
- Số CMTND: 045091003365.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị.

- Địa chỉ thường trú: Nguyễn Viết Xuân, P.1, TX.Quảng Trị, T.Quảng Trị
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng Công trình thủy.

Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:

- + 2015 ÷ 2016: Kỹ thuật hiện trường Công ty Cổ phần Sông Đà 9.
- + 2016 ÷ 2017: Trưởng ban kế hoạch kỹ thuật – Dự án Sunrise Bay Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Trung Nam.
- + 2017 ÷ 2018: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ.
- + 2018 ÷ 2020: Giám đốc Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ.
- + 2020÷ 2022: Phó giám đốc BDH dự án Nam Sam 3 Công ty Cổ phần SCI E&C.
- + 05/2022 đến 12/2022: Phó giám đốc (Phụ trách thi công) Công ty Cổ phần SCI E&C.
- + 01/2023 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần SCI E&C.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Giám đốc Công ty Cổ phần SCI E&C kiêm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP SCI E&C.
- Số cổ phần nắm giữ: 6.100 cổ phần (tỷ lệ 0,02%).  
Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 6.100 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

✚ **Ông Nguyễn Công Hùng** **Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 31/03/2023)**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 21/8/1978.
- Nơi sinh: Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị.
- Số CMTND: 017389016.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị.
- Địa chỉ thường trú: Khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 2004 ÷ 2005: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Sông Đà 909.
  - + 2005 ÷ 2009: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 909 kiêm Giám đốc Xi nghiệp 1.
  - + 2009 ÷ 5/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí 1.
  - + 05/2010 ÷ 04/2014: Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  - + 04/2014 ÷ 01/2015: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  - + 01/2015 ÷ 2018: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP SCI E&C.
  - + 2019 ÷ 03/2023: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP SCI E&C.

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Không.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần SCI.
- Số cổ phần nắm giữ: 21.501 cổ phần (tỷ lệ 0,08%).

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 21.501 cổ phần.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

↓ **Ông Nguyễn Tài Sơn**

**Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 13/11/1958.
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Số CMTND: 010388352
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Thanh Hóa.
- Địa chỉ thường trú: Khu đô thị Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy công – thủy điện
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 1982 ÷ 1985: Kỹ sư tại Công ty Khảo sát Thiết kế Điện.
  - + 1985 ÷ 1987: Trợ lý kỹ thuật tại Viện kỹ thuật cơ giới Quân sự.
  - + 1988 ÷ 2012: Trưởng đoàn thiết kế tại Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 1.
  - + 2012 ÷ 2017: Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1.
  - + 2019 ÷ nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần SCI E&C.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị.
- Số cổ phần nắm giữ: 16.300 cổ phần (tỷ lệ 0,06%).

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 16.300 cổ phần (tỷ lệ 0,06%).
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

↓ **Ông Nguyễn Quang Thiện**

**Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 19/05/1988.
- Nơi sinh: Hà Nội

- Số CMTND: 001088023840.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Xã La Phù, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân (chuyên ngành kế toán); Kỹ sư kinh tế xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 2010 ÷ 2013: Trợ lý kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn định giá ACC Việt Nam.
  - + 2013 ÷ 2017: Trợ lý kiểm toán, Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).
  - + 2017 ÷ nay: Phó giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán Thăng Long.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).  
Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

## 2.2 Ban giám đốc

- Ông Nguyễn Chính Đại Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2023)
- Ông Lưu Minh Thành Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/01/2023)
- Ông Nguyễn Chí Tuyển Phó giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/05/2023)
- Ông Nguyễn Cao Hải Phó giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/05/2023)
- Ông Nguyễn Công Hòa Phó giám đốc
- Bà Mai Thị Vân Anh Phó giám đốc
- Ông Bùi Chí Giang Phó Giám đốc (Quyết định bổ nhiệm ngày 23/06/2023)

### ❖ Sơ yếu lý lịch của Ban Giám đốc

- ⬇ Ông Nguyễn Chính Đại Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2023)  
(Như trên)
- ⬇ Ông Lưu Minh Thành Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/01/2023)  
(Như trên)
- ⬇ Ông Nguyễn Chí Tuyển Phó giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/05/2023)
  - Giới tính: Nam.
  - Ngày tháng năm sinh: 23/10/1983

- Nơi sinh: Hà Nam.
- Số CMTND: 0350830004748.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hà Nam.
- Địa chỉ thường trú: Phúc La, Hà Đông, Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công trình thủy lợi.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 7/2007÷6/2008: Kỹ sư kỹ thuật chất lượng / Công ty TNHH MTV Sông Đà 908 / Sông Đà 9.
  - + 7/2008÷06/2010: Phó phòng Kỹ Thuật chất lượng / Công ty TNHH MTV Sông Đà 908 / Sông Đà 9.
  - + 07/2010÷6/2012: Giám đốc Công ty CPĐT Thanh Sơn / Đội trưởng Gói thầu Hệ thống CCLĐ Hệ thống lan can / Cao Tốc Cầu Giẽ Ninh Bình.
  - + 7/2012÷6/2014: Trợ lý Kiểm toán / Công ty Kiểm Toán Vạn An.  
Giám đốc Công ty TNHH Cơ Khí CXT.
  - + 7/2014÷06/2015: Trưởng phòng Kỹ Thuật / Công ty Cổ phần Sông Đà 909.
  - + 07/2015÷07/2016: Phó Giám đốc chi nhánh phía Nam - Công ty CP Xây dựng và đầu tư Sông Đà 9 (nay là Công ty Cổ phần SCI E&C).
  - + 08/2016÷04/2023: Phó Chủ nhiệm dự án Nam Theun 1, Phó Chủ nhiệm dự án Nam Sam 3 - Công ty Cổ phần SCI E&C.
  - + 05/2023 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C
- Chức vụ hiện tại tại công ty: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).  
Trong đó:
  - + Sở hữu: 0 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

↓ **Ông Nguyễn Cao Hải** **Phó giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/05/2023)**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 20/08/1979
- Nơi sinh: Tây Giang, Tiên Hải, Thái Bình.
- Số CMTND: 151267376
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Tây Giang, Tiên Hải, Thái Bình.
- Địa chỉ thường trú: Tây Giang, Tiên Hải, Thái Bình.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng đường bộ.

- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 6/2002÷8/2004: Chuyên viên phòng Kỹ thuật Tổng công ty cổ phần thương mại xây dựng
  - + 9/2004÷05/2009: Đội trưởng thi công Tổng công ty cổ phần thương mại xây dựng
  - + 05/2009÷9/2009: Phó giám đốc công ty CP ĐT&XD điện Long Hội – Thuộc Tổng công ty CP thương mại xây dựng
  - + 9/2009÷5/2010: Giám đốc công ty CP ĐT&XD điện Long Hội – Thuộc Tổng công ty CP thương mại xây dựng
  - + 6/2010÷01/2012: Đội trưởng thi công Công ty CP XD & ĐT Sông Đà 9
  - + 03/2012÷11/2013: Phó phòng kỹ thuật Công ty cổ phần Sông Đà 9
  - + 11/2013÷08/2015: Phó giám đốc ban điều hành MD2 Công ty cổ phần Sông Đà 9
  - + 09/2015÷05/2016: Đội trưởng thi công Công ty CP XD & ĐT Sông Đà 9
  - + 05/2016 ÷ 05/2023: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C
- Chức vụ hiện tại tại công ty: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: 20.200 cổ phần (tỷ lệ 0,08%).  
Trong đó:
  - + Sở hữu: 20.200 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

↓ **Ông Nguyễn Công Hòa** **Phó Giám đốc**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 26/12/1980
- Nơi sinh: Quảng Trị.
- Số CMTND: 197091006
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị.
- Địa chỉ thường trú: Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 8/2003÷11/2004: Chuyên viên tại Công ty TNHH Anh Sơn.
  - + 11/2004÷07/2006: Chuyên viên tại Công ty Đầu tư và Phát triển Đô thị Kinh Bắc.
  - + 09/2010÷10/2011: Chuyên viên phòng KTCL – TCAT Công ty Cổ phần xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  - + 10/2011÷09/2012: Đội phó Đội xây lắp số 2 – Công ty Cổ phần xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  - + 09/2012÷11/2017: Phó phòng Kinh tế Kế hoạch - Công ty Cổ phần xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  - + 12/2017÷07/2019: Trưởng phòng Cung ứng – Công ty Cổ phần SCI E&C

- + 07/2019 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C
- Chức vụ hiện tại tại công ty: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C.
- Số cổ phần nắm giữ: 20.200 cổ phần (tỷ lệ 0,08%).

Trong đó:

- + Sở hữu: 20.200 cổ phần.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

↓ **Bà Mai Thị Vân Anh** **Phó Giám đốc**

- Giới tính: Nữ.
- Ngày tháng năm sinh: 20/02/1989
- Nơi sinh: Thanh Hóa.
- Số CMTND: 038189023502
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Thanh Hóa.
- Địa chỉ thường trú: Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 8/2011 ÷ 5/2016: Nhân viên Xuất khẩu Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long.
  - + 10/2016 ÷ 10/2017: Nhân viên Phòng Cung ứng – Mua hàng nhập khẩu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9 (nay là Công ty Cổ phần SCI E&C).
  - + 11/2017 ÷ 9/2019: Phó phòng Cung ứng Công ty Cổ phần SCI E&C.
  - + 9/2019 ÷ 4/2022: Trưởng phòng Cung ứng Công ty Cổ phần SCI E&C.
  - + 5/2022 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C.
- Chức vụ hiện tại tại công ty: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).

Trong đó:

- + Sở hữu: 0 cổ phần.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

↓ **Ông Bùi Chí Giang** **Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23/06/2023)**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 23/10/1981.
- Nơi sinh: Xã Yên Đồng, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định.



- Số CMTND: 036081020777.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Xã Yên Đồng, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: Phường Lộc Hạ, Thành Phố Nam Định.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Thủy Lợi.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 8/2007 ÷ 7/2009: Kỹ sư Thiết kế Chi Nhánh Tây Bắc – Công Ty CP Tư Vấn Sông Đà.
  - + 8/2009 ÷ 09/2010: Trưởng Ban Kỹ thuật Chi Nhánh Tây Bắc – Công Ty CP Tư Vấn Sông Đà.
  - + 10/2010 ÷ 01/2012: Phó Giám Đốc Chi Nhánh Tây Bắc – Công Ty CP Tư Vấn Sông Đà.
  - + 02/2010 ÷ 06/2012: Phó Phòng Kinh tế Công Ty CP sông Đà 5.
  - + 07/2012 ÷ 09/2013: Phó Phòng Kỹ Thuật Công Ty CP sông Đà 5.
  - + 10/2013 ÷ 04/2015: Phó Phòng Đấu Thầu Công Ty CP sông Đà 5.
  - + 05/2015 ÷ 03/2017: Trưởng Phòng Kỹ Thuật Công Ty CP sông Đà 5.
  - + 04/2017 ÷ 02/2018: Phó Tổng Giám Đốc Công Ty CP sông Đà 5.
  - + 03/2018 ÷ 12/2019: Phó Tổng Giám Đốc Công Ty CP sông Đà 5 kiêm Giám Đốc BDH dự án Nhà Máy Thép Hòa Phát.
  - + 01/2020 ÷ 03/2022: Phó Tổng Giám Đốc Công Ty CP sông Đà 5, kiêm Giám Đốc BDH dự án Thủy Điện Nam Emuon - Lào.
  - + 04/2022 ÷ 06/2023: Kinh doanh tự do.
  - + 6/2023 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C.
- Chức vụ hiện tại tại công ty: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).  
Trong đó:
  - + Sở hữu: 0 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

### 2.3 Kế toán trưởng

#### ❖ Sơ yếu lý lịch của Kế toán trưởng

##### ⬇ Ông Cao Lữ Phi Hùng

##### Kế toán trưởng Công ty

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 12/01/1987.
- Số CMTND: 035087000602.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 35, Phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 07/2010 ÷ 03/2013: Trợ lý kiểm toán - Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
  - + 04/2013 ÷ 05/2014: Chuyên viên Kế toán – Trường Đại học Kinh tế - ĐHQG Hà Nội
  - + 06/2014 ÷ 12/2014: Kế toán Tổng hợp - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  - + 01/2015 ÷ 06/2015: Phó Kế toán trưởng - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  - + 07/2015 ÷ 08/2017: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần SCI
  - + 09/2017 ÷ 04/2018: Chuyên viên cao cấp Ban Tài chính – Tập đoàn SunGroup
  - + 05/2018 ÷ 06/2018: Phó Kế toán trưởng - Công ty CP Mặt trời Tây Ninh
  - + 07/2018 ÷ 03/2019: Kế toán trưởng - Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh
  - + 04/2019 ÷ 03/2020: Chuyên viên cao cấp Quản lý thuế - Tập đoàn SunGroup
  - + 04/2020 ÷ 05/2020: Phó phòng TCKT - Công ty Cổ phần SCI E&C
  - + 06/2020 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần SCI E&C
- Chức vụ hiện tại tại công ty: Kế toán trưởng Công ty CP SCI E&C.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 11.500 cổ phần (tỷ lệ 0,05%).  
Trong đó:
  - + Sở hữu: 11.500 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

**2.4 Những thay đổi của Ban điều hành trong năm: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm).**

- Miễn nhiệm ông Nguyễn Công Hùng – Thành viên HĐQT Công ty.
- Bổ nhiệm ông Nguyễn Chính Đại – Phó Chủ tịch HĐQT Công ty.
- Quyết định miễn nhiệm ông Nguyễn Chính Đại – Giám đốc Công ty.
- Quyết định bổ nhiệm ông Lưu Minh Thành – Giám đốc Công ty.
- Bổ nhiệm ông Nguyễn Chí Tuyển – Phó Giám đốc Công ty.
- Miễn nhiệm ông Nguyễn Cao Hải – Phó Giám đốc Công ty.
- Bổ nhiệm ông Bùi Chí Giang - Phó Giám đốc Công ty.

**2.5 Cơ cấu nhân sự công ty và chế độ cho người lao động: (Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động)**

**2.5.1 Lao động gián tiếp:** 174 người.

**2.5.2 Lao động trực tiếp:** 545 người.

↓ **Chế độ làm việc:**

- Thời gian làm việc: 8h / ngày, 5 ngày / tuần, nghỉ trưa 1,5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.
- Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: CBCNV được nghỉ lễ và tết 8 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày / năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.
- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

#### ↓ Chính sách tuyển dụng thu hút nhân tài

Dựa vào nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, hàng năm, Công ty xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, ...

Với những chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của Công ty cổ phần SCI E&C luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn, đào tạo ngắn ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ cho cán bộ kỹ thuật.

#### ↓ Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Người lao động làm việc có hiệu quả cao, chất lượng phục vụ tốt, Ban giám đốc căn cứ vào kết quả lao động, quy chế của Công ty để xét thưởng.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết

#### 3.a.1. Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Lùm 1:

- Hòa lưới điện 02 tổ máy tháng 01/2023.
- Khắc phục sự cố sạt mái:
  - + Đào cắt tải mái nhà máy: thực hiện 90%;
  - + Sửa chữa máy phát tổ máy H2: thực hiện 100%;
  - + Sản xuất thiết bị điện điều khiển: thực hiện 90%.

#### 3.a.2. Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Lùm 2:

- Hoàn thành toàn bộ công tác lắp đặt thiết bị, thí nghiệm hiệu chỉnh và hòa lưới điện 02 tổ máy vào tháng 2/2023;

### 3.a.3. Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Xe:

Hoàn thành công tác thi công xây dựng một số hạng mục còn lại như hầm dẫn nước, đập chính; lắp đặt thiết bị, thí nghiệm hiệu chỉnh và hòa lưới điện 02 tổ máy vào tháng 6/2023;

### 3.a.4. Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Sam 3:

Đập chính, đập tràn:

+ Bê tông RCC đập chính: thực hiện 124.351,4 m<sup>3</sup> / 945.343,8 m<sup>3</sup>, lũy kế 100%

+ Bê tông CVC đập tràn: thực hiện 32.919,5 m<sup>3</sup> / 43.563,7 m<sup>3</sup>, lũy kế 100%

Cơ khí thủy công: Cổng xả sâu: thực hiện 100%; Cửa nhận nước: thực hiện 100%; Cửa van cung, cửa van phẳng Đập tràn: thực hiện 100%; Đường ống áp lực: thực hiện lắp đặt 100%.

Thiết bị nâng hạ: Cổng trục chân dê 2x45T trên đập: thực hiện 100%; Cầu trục gian máy 150T: thực hiện 100%; Cầu trục chân dê hạ lưu nhà máy 2x7.5T: thực hiện 100%.

Tuyển năng lượng:

+ Thi công bê tông cống hộp 2208m<sup>3</sup>, lũy kế hoàn thành 76%;

+ Hầm Gương 1: Đào và gia cố tạm: thực hiện 497/2678.5m, lũy kế hoàn thành 100%.

+ Hầm Gương 2: Đào và gia cố tạm: thực hiện 596.2/1203.5m, lũy kế hoàn thành 100%;

+ Hầm Gương 3: Gia cố vĩnh cửu: thực hiện 100%.

+ Hầm Gương 4: Gia cố vĩnh cửu: thực hiện 100%.

+ Hầm Gương 5: Gia cố vĩnh cửu: thực hiện 90% khối lượng, lũy kế 90%.

+ Giếng điều áp: Đào mở rộng: thực hiện 100%; Bê tông tháp: thực hiện 100%.

Nhà máy:

+ Phần xây dựng: Bê tông nhà máy đến cao trình sàn lắp ráp +373m: thực hiện 8500/17176m<sup>3</sup>, lũy kế 100%; Hoàn thiện nhà máy trên cao trình +373m: thực hiện 100%.

+ Phần lắp đặt thiết bị cơ điện: Tổng thể thực hiện 60% khối lượng công việc: Lắp đặt buồng xoắn của 3 tổ máy: thực hiện 100%; Lắp đặt Tuabin 3 tổ máy: thực hiện 90%; Lắp đặt MBA của 3 tổ máy: thực hiện 100%; Lắp đặt cụm van MIV của 3 tổ máy: thực hiện 95%, lũy kế 95%; Lắp đặt hệ thống nước kỹ thuật, dầu cao áp, PCCC, phụ trợ cơ khí: thực hiện 90%; Lắp đặt hệ thống tủ điện trong NM thực hiện 20%; Kéo rải và đấu nối cáp nhất thứ NM thực hiện 20%.

Trạm biến áp: Công tác xây dựng: thực hiện 100%; Lắp đặt kết cấu trụ cột, xà pooclic, thiết bị: thực hiện 100%; Kéo rải và đấu nối cáp nhất thứ, nhị thứ: thực hiện 90%;

Kênh xả: Bê tông kênh xả thực hiện 100%.

Nhà Quản lý vận hành: Nhà QL VH Nhà máy thực hiện 80%.

### 3.a.5. Dự án thủy điện Nậm Mô 2:

Thiết kế: Được phê duyệt Basic design.

Thi công:

+ Phụ trợ: Lắp đặt thiết bị phụ trợ trạm nghiền, trạm trộn, lán trại: thực hiện 100%.

+ Tuyển năng lượng: Hầm Gương 1: Đào và gia cố tạm: thực hiện 10m, lũy kế hoàn thành 0.6%; Hầm phụ: Đào và gia cố tạm hầm phụ: thực hiện 217m, lũy kế hoàn thành 30%;

+ Kênh xả: Đào kênh xả 18.000m<sup>3</sup>, lũy kế hoàn thành đạt 12%.

+ Cửa nhận nước: Đào cửa nhận nước: thực hiện 100%; Gia cố mái cửa nhận nước trước cửa hầm G1 1600m<sup>2</sup>, lũy kế hoàn thành 100%;

+ Đập tràn: Đào hồ móng đập tràn 490.00m<sup>3</sup>, lũy kế hoàn thành 85%; Hoàn thiện hầm dẫn dòng: thực hiện 85%, lũy kế 85%.

+ Đập chính: Bê tông bê phân áp đạt 100m<sup>2</sup>, lũy kế hoàn thành 20%; Đào hồ móng đập chính 170.000m<sup>3</sup>, lũy kế hoàn thành 96%;

### 3.a.6. Dự án Khu công nghiệp Phong Điền:

□ Tuyến D2, N5, N3, D1, D4, N4: Hệ thống thoát nước mưa: thực hiện 100%; Hệ thống thoát nước thải: thực hiện 100%; Kết cấu nền đường: thực hiện 100%; Kết cấu móng đường: thực hiện 100%; Bó vỉa: thực hiện 80%, lũy kế 80%; Hệ thống cấp nước: thực hiện 100%; Hệ thống chiếu sáng: thực hiện 100%; Cây xanh: thực hiện 70%, lũy kế 70%.

### 3.a.7. Dự án duy tu Nhà máy thủy điện Ca Nan 1, Ca Nan 2:

□ Nhà kho nhà máy thủy điện Canan 2: Thực hiện 100% xây dựng nhà kho Canan 2.

□ Đường thi công: Thi công nền: thực hiện 40% chiều dài, lũy kế 40%; Thi công láng nhựa: thực hiện 30% chiều dài, lũy kế 30%.

b) Các công ty con, công ty liên kết (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết): **Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc** - Lĩnh vực hoạt động chính: Xây lắp.

Đơn vị: Tỷ VND

Nội dung	31/12/2023	31/12/2022
Tổng giá trị tài sản	11,324	23,7
Doanh thu thuần	0	100,5
Lợi nhuận trước thuế	(1,02)	3,1
Lợi nhuận sau thuế	(1,02)	2,8

## 4. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	1.527	1.697	11%
Doanh thu thuần	2.258	1.480	-34%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-0,2	-12,6	6200%
Lợi nhuận khác	38	38,9	2%
Lợi nhuận trước thuế	37,8	26,3	-30%
Lợi nhuận sau thuế	30	21,1	-30%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

- Các chỉ tiêu khác (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chi tiêu/ Indicators	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,63	1,46	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1,23	1,03	
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,69	0,71	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	2,20	2,17	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	4,52	3,64	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài Sản	1,23	0,92	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,01	0,01	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,06	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,01	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,00011	-0,01	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài:

- Tổng số cổ phần: 25.409.847 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 25.409.847 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	25.194.037	99,15%
	- Cá nhân	11.920.117	46,91%
	- Tổ chức	13.273.920	52,24%
2	Cổ đông ngoài nước	215.810	0,85%
	- Cá nhân	200.285	0,79%
	- Tổ chức	15.525	0,06%
<b>Tổng cộng:</b>		<b>25.409.847</b>	<b>100,00%</b>

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông lớn	12.958.991	51,0%
2	Cổ đông nhỏ	12.450.856	49,0%
<b>Tổng cộng:</b>		<b>25.409.847</b>	<b>100,0%</b>

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông nhà nước	0	0,0%
2	Cổ đông khác	25.409.847	100,0%
<b>Tổng cộng:</b>		<b>25.409.847</b>	<b>100,0%</b>

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp).

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn (Đối tượng chào bán)	Cơ sở pháp lý
Thành lập 2010	50.000.000	50.000.000	Vốn góp ban đầu	Giấy CNĐKKD số 0500574676 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 31/05/2010
2015	100.000.000	50.000.000	- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 tỷ lệ 10%;	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-SICCO- ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015;

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn (Đối tượng chào bán)	Cơ sở pháp lý
			- Phát hành cổ phiếu chào bán ra công chúng; - Phát hành cho CBCNV theo chương trình ESOP	- Giấy CNĐKKD số 0500574676 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2020, thay đổi lần thứ 4 ngày 16/09/2015
2018	109.999.950	9.999.950	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 tỷ lệ 10%	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2018/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2018; - Giấy CNĐKKD số 0500574676 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2020, thay đổi lần thứ 09 ngày 10/09/2018.
2019	120.999.680	10.999.730	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 tỷ lệ 10%	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2019/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2019; - Giấy CNĐKKD số 0500574676 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2020, thay đổi lần thứ 11 ngày 20/09/2019.
2020	127.048.810	6.049.130	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 tỷ lệ 5%	- Nghị quyết số 01/2020/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2020
2021	254.098.470	127.049.660	- Phát hành cổ phiếu chào bán ra công chúng; - Phát hành cho CBCNV theo chương trình ESOP	- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 301/ GCN - UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/12/2020

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch: Không.

e) Các chứng khoán khác: Nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không.



## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Trong quá trình triển khai xây dựng các công trình, các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, xây dựng sẽ gây ra một lượng bụi mặt đất cứng như khí thải. Đồng thời, trong quá trình sử dụng, vận hành thi công sẽ tiêu thụ nhiên liệu, năng lượng từ các thiết bị thi công: xe ô tô, máy xúc, khoan, đào....; các trạm trộn, nghiền.... và xử lý nước thải...

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- Công ty tăng cường sử dụng các máy móc công nghệ cao, các thiết bị tiết kiệm năng lượng nhằm tiết kiệm nhiên liệu.

- Công ty tăng cường sử dụng hiệu quả máy móc, quản lý nguồn nhiên liệu để sử dụng hiệu quả.

### 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 999.900.384.031 VND.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Công ty chủ yếu sử dụng nguyên vật liệu mới, sạch của các nhà cung cấp, và khuyến khích sử dụng hiệu quả các công cụ dụng cụ đã có.

### 6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Công ty chủ yếu sử dụng điện trong việc triển khai xây lắp các công trình.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện được dán nhãn tiết kiệm năng lượng.

- Nâng cao ý thức của cán bộ công nhân viên về việc sử dụng tiết kiệm năng lượng (điện, nhiên liệu).

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Công ty triển khai tìm kiếm các Dự án thi công xây dựng các công trình năng lượng sạch (điện gió, điện mặt trời...)

### 6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nước trực tiếp tại các công trường xây dựng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Công ty sử dụng nước trực tiếp tại các công trường xây dựng. Công ty luôn nâng cao ý thức của cán bộ công nhân viên về việc sử dụng tiết kiệm nước.

### 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

### 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 709 người, mức lương trung bình: 16.5 triệu/người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Thời gian làm việc: 8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

- Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: CBCNV được nghỉ lễ và tết 8 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.

- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn, đào tạo ngắn ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ cho cán bộ kỹ thuật.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Công ty hỗ trợ các cộng đồng tại các khu vực triển khai các công trình.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Không phát sinh.

**Lưu ý:** Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm.

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)**

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh

doanh (nếu có).

Năm 2023 do tình hình khó khăn chung của lĩnh vực xây dựng, cũng như sự tăng giá chung của thị trường nguyên vật liệu đầu vào, nhân công... dẫn đến giá trị sản xuất kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận hợp nhất trước thuế của công ty đều giảm so với năm trước và không đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên Công ty cũng đã cố gắng thu hồi công nợ để giảm thiểu chi phí lãi vay (lãi suất vay có xu hướng tăng), dẫn đến tiền về tài khoản gần đạt kế hoạch và thu nhập bình quân tăng so với kế hoạch.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	2.040	1.416,9	69,40%
2	Đầu tư thiết bị thi công	Tỷ đồng	60	6,7	11,20%
3	Doanh số	Tỷ đồng	2.047	1.506,4	73,60%
4	Tiền về tài khoản	Tỷ đồng	1.800	1.748,1	97,10%
5	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tỷ đồng	35	26,3	75%

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Dù điều kiện chung có nhiều bất lợi và khó khăn nhưng công ty vẫn đang cố gắng đảm bảo tiến độ thi công theo kế hoạch, đảm bảo bàn giao công trình cho chủ đầu tư kịp tiến độ.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	Biến động tăng / giảm
<b>Tài sản ngắn hạn</b>		<b>1.579.388.241.243</b>	<b>1.358.577.851.582</b>	<b>220.810.389.661</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	108.532.937.558	73.145.881.876	35.387.055.682
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.978.334.056	5.702.711.600	275.622.456
3	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	710.445.023.556	703.407.394.847	7.037.628.709
4	Trả trước cho người bán ngắn hạn	112.935.511.085	137.410.087.137	(24.474.576.052)
5	Phải thu ngắn hạn khác	14.108.567.519	21.204.269.799	(7.095.702.280)
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.257.167.891)	(61.794.609.291)	48.537.441.400
7	Hàng tồn kho	469.111.421.313	334.286.997.796	134.824.423.517
8	Tài sản ngắn hạn khác	171.533.614.047	145.215.117.818	26.318.496.229
<b>Tài sản dài hạn</b>		<b>117.889.844.988</b>	<b>168.696.722.631</b>	<b>(50.806.877.643)</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	4.460.050.000	5.073.050.000	(613.000.000)
2	Tài sản cố định hữu hình	76.731.366.196	107.173.262.180	(30.441.895.984)
3	Tài sản cố định thuê tài chính	30.265.584.727	55.474.575.684	(25.208.990.957)

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	Biến động tăng / giảm
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.779.636.364	-	1.779.636.364
5	Tài sản dài hạn khác	4.653.207.701	975.834.767	3.677.372.934
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.697.278.086.231</b>	<b>1.527.274.574.213</b>	<b>170.003.512.018</b>

Trong năm 2023, công ty đã khẩn trương rà soát thu hồi công nợ để giảm dự phòng phải thu khó đòi, tăng cường tìm kiếm, kí kết hợp đồng các công trình mới, tăng khối lượng thi công để tăng giá trị hàng tồn kho, đảm bảo công ty phát triển ổn định, tiến tới nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong các năm sau.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	Biến động tăng /giảm
<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.078.327.457.689</b>	<b>833.143.342.987</b>	<b>245.184.114.702</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	198.917.242.496	369.296.923.326	(170.379.680.830)
2	Phải trả người bán	315.665.659.377	300.667.747.904	14.997.911.473
3	Người mua trả tiền trước	304.127.197.125	78.574.857.977	225.552.339.148
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	545.534.231	2.390.268.225	(1.844.733.994)
5	Phải trả người lao động	27.223.843.019	24.547.031.165	2.676.811.854
6	Chi phí phải trả	164.804.481.646	7.464.516.836	157.339.964.810
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	49.032.972.866	33.394.456.693	15.638.516.173
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	18.010.526.929	16.807.540.861	1.202.986.068
<b>Nợ dài hạn</b>		<b>121.437.889.542</b>	<b>216.775.428.406</b>	<b>(95.337.538.864)</b>
1	Vay và nợ dài hạn	3.316.557.395	18.366.572.738	(15.050.015.343)
2	Dự phòng phải trả dài hạn	118.121.332.147	198.408.855.668	(80.287.523.521)
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.199.765.347.231</b>	<b>1.049.918.771.393</b>	<b>149.846.575.838</b>

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Trong năm Công ty thực hiện trả đầy đủ nợ đến hạn. Biến động ảnh hưởng tỷ giá hối đoái và lãi vay đã thể hiện đầy đủ trong báo cáo kết quả kinh doanh và thuyết minh Báo cáo tài chính của công ty theo qui định.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

“Chất lượng cho từng sản phẩm” luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty cổ phần SCI E&C, là uy tín, danh dự để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều Công ty muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi. Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của

khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình

Để đảm bảo các công trình thi công xây dựng đạt chất lượng, tiến độ theo hợp đồng ký kết và đảm bảo các công trình thi công không xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng dẫn đến chết người. Công ty đã thành lập Ban kiểm tra chất lượng nhằm mục tiêu kiểm tra, giám sát tuân thủ theo đúng quy định, quy trình của Công ty đã ban hành.

#### *4. Kế hoạch phát triển trong tương lai*

Năm 2024, Công ty tiếp tục tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng, tay nghề của nguồn nhân lực cũng như đầu tư dây chuyền, thiết bị và công nghệ thi công trong lĩnh vực thi công xây lắp hạ tầng kỹ thuật và giao thông.

Kế hoạch kinh doanh năm 2024 đã xác định rõ:

- Khẳng định hơn nữa thương hiệu Công ty trong lĩnh vực tổng thầu EPC các dự án về năng lượng, Thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng hiệu quả, an toàn và đúng tiến độ các công trình: Công trình Thủy điện Nậm Lùm 1, Công trình thủy điện Nậm Sam 3; Công trình thủy điện Nậm Mô 2.....

- Đầu tư xe máy, thiết bị, công nghệ phục vụ thi công công trình Thủy điện Nậm Mô 2,... Bên cạnh đó cũng tăng cường đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ thi công các công trình này. Bằng việc thực hiện thi công tốt các công trình trong quá khứ và hiện tại, Công ty sẽ tiếp tục khẳng định được thương hiệu, vị thế trong lĩnh vực Tổng thầu EPC các dự án năng lượng.

- Tiếp tục cải tiến quy trình quản lý, sản xuất và mở rộng thị trường cho lĩnh vực sản xuất, gia công cơ khí để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tập trung tìm kiếm cơ hội đấu thầu, tham gia các dự án lớn, trọng điểm.

- Cân đối bố trí xe máy thiết bị phù hợp với biện pháp thi công nhằm nâng cao hiệu quả và hệ số sử dụng xe máy thiết bị hiện có của Công ty.

*5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần):*

Ý kiến kiểm toán là chấp nhận toàn phần

#### *6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

- Công ty đã sử dụng và tiêu thụ điện năng, nước phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở mức tiết kiệm, giảm thiểu tác động tới môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Công ty đã thực hiện và đảm bảo đầy đủ chế độ, phúc lợi cho người lao động theo qui định hiện hành nhà nước.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty luôn hưởng ứng và ủng hộ các hoạt động hỗ trợ cộng đồng địa phương.

### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)**

*1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.*

### 1.1. Những việc đã làm được:

#### a) Định hướng chiến lược:

- Đã xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng.
- Thực hiện chia tách, sáp nhập các bộ phận, đơn vị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả.
- Cân đối năng lực thi công trên công trường nhằm giảm thiểu chi phí và tăng năng suất lao động.
- Thường xuyên tìm kiếm, thay đổi các đối tác cung cấp nguồn nguyên liệu nhằm ổn định sản xuất, giảm thiểu giá thành đầu vào nâng cao lợi nhuận SXKD của Công ty.

#### b) Công tác quản lý:

- Chú trọng công tác nhân sự từ các cấp quản lý tới các cá nhân trực tiếp thi công trên công trường, liên tục tổ chức đào tạo và đào tạo lại tại chỗ đối với toàn thể CBCNV đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh chung của Công ty.
- Phân loại, thanh lý đối với các xe máy cũ có hiệu quả thi công thấp và tiến hành đầu tư mới nhằm nâng cao năng lực thi công của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ quy trình, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng máy móc thiết bị và đánh giá thường xuyên tiêu hao nhiên liệu, mặt khác kiểm soát tốt nguồn / sàng lọc nhà thầu cung cấp nguyên liệu, vật tư phục vụ công tác thi công trên công trường.
- Thường xuyên vận dụng, bổ sung sửa đổi các quy chế, quy định đảm bảo phù hợp với định hướng hoạt động của Công ty trong năm 2023 và các năm tiếp theo.
- Khai thác triệt để các tính năng ứng dụng của các phần mềm quản lý nhằm rút ngắn và đơn giản các quy trình thực hiện công việc tại mỗi công đoạn.

#### c) Công tác Quản trị:

- Tận dụng các cơ hội phát triển, mạnh dạn đầu tư vào các lĩnh vực mới bắt kịp xu hướng thời đại, đặc biệt trong lĩnh vực thi công xây dựng.
- Phát triển mạnh các nguồn lực sẵn có, tiến hành tái hồi các phương tiện sản xuất lạc hậu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### d) Giám sát thực hiện:

- Sát nhập, giải thể, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, bộ phận phục vụ hiệu quả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực chuyên môn.
- Phân tích hiệu quả đầu tư, tiến hành tạm dừng đối với các công trình, dự án chưa thực sự mang lại hiệu quả kinh tế, tập trung vào lĩnh vực hoạt động chính của Công ty.
- Cân đối xe phục vụ, điều động hợp lý đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Rà soát các hợp đồng, chỉ đạo xuất toán đối với các hạng mục công trình dở dang.
- Thực hiện các chế độ liên quan đối với người lao động đảm bảo tăng cường gắn bó và đóng góp của mỗi CBCNV đối với Công ty.

#### e) Về trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Công ty đã sử dụng và tiêu thụ điện năng, nước phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở mức tiết kiệm, giảm thiểu tác động tới môi trường.
- Công ty luôn hưởng ứng và ủng hộ các hoạt động hỗ trợ cộng đồng địa phương.

## 1.2. Những việc chưa làm được:

Bên cạnh những việc đã đạt được, Công ty còn một số tồn tại chưa giải quyết được cụ thể như sau:

- Công tác thi công, nghiệm thu, bàn giao công trình: Một số công trình đã thi công xong nhưng chưa nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng, chưa được thanh quyết toán, như công trình Thủy Điện Lai Châu, một số hạng mục Nhiệt Điện Long Phú ...

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Giám đốc và Ban điều hành các cấp trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2023 đã đề ra của Công ty. Các quyết sách của Hội đồng quản trị được Ban Giám đốc triển khai quyết liệt, chắc chắn. Kết quả đạt được trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông.

- Ban điều hành đã tạo được hiệu ứng làm việc sôi nổi, đoàn kết, phát động các chiến dịch thi đua trong sản xuất kinh doanh. Thời gian tới Lãnh đạo các công ty cần kiên toàn và phát triển đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp cho công tác quản lý, tăng cường tìm kiếm các dự án mới tại Việt Nam và CHDCND Lào.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

### 3.1. Định hướng:

- Quản lý có hiệu quả các dự án, công trình, từng bước đầu tư mở rộng thi công các dự án thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo, môi trường và hạ tầng công nghiệp;

- Tiếp tục lấy mục tiêu chính tăng trưởng quy mô, nâng cao năng lực kinh nghiệm, nâng cao chất lượng quản trị các hoạt động trong SXKD của Công ty nhằm đạt hiệu quả cao trong việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế.

- Tập trung tìm kiếm, đấu thầu các dự án về năng lượng trong và ngoài nước. Khẳng định hơn nữa thương hiệu Công ty trong lĩnh vực tổng thầu EPC các dự án về năng lượng.

- Ban hành các quy chế, quy trình làm việc của Công ty phù hợp với tình hình thực tế và xu hướng phát triển về quy mô và năng lực của Công ty;

- Chỉ đạo ổn định công tác tổ chức, phê duyệt cơ cấu mô hình tổ chức sản xuất của Công ty phù hợp với thực tế SXKD, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty;

- Chiến lược đào tạo con người, đặc biệt công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và lực lượng lao động lành nghề đã được quan tâm hàng đầu, việc triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao.

- Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả: Xe máy, thiết bị thi công phục vụ các dự án công ty đang tham gia thi công và định hướng đầu tư phù hợp đảm bảo tiến độ và kế hoạch;

- Phân tích nhu cầu, định hướng đầu tư máy móc, thiết bị, vật tư phù hợp đảm bảo ổn định sản xuất.

### 3.2. Chỉ đạo thực hiện và kế hoạch hành động:

Năm 2024, toàn Công ty cần tập trung huy động mọi nguồn lực về tài chính, nhân lực, máy móc thiết bị, triển khai đồng bộ đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất với các mục tiêu và một số giải pháp trong từng lĩnh vực công tác sau:

#### 3.2.1. Công tác thi công, thu hồi công nợ tại các công trình

- Đảm bảo mục tiêu tiến độ các công trình: Thi công các công trình hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng công trình theo hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư.

### 3.2.2. Công tác tiếp thị, đấu thầu

- Tăng cường công tác tiếp thị, từng bước mở rộng thị trường để chuẩn bị cho kế hoạch SXKD năm 2024 và các năm tiếp theo;
- Nắm tình hình, chuẩn bị các điều kiện để tham gia đấu thầu những gói thầu thuộc các dự án lớn về năng lượng.
- Có báo cáo đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai các dự án trước đây trong tất cả các khâu (đấu thầu, đàm phán, ký kết hợp đồng với CĐT...) đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ các dự án, công trình chuẩn bị thực hiện.

### 3.2.3. Công tác tổ chức, đổi mới doanh nghiệp

- Thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, mở rộng sản xuất.
- Hoàn thiện bộ nhận diện thương hiệu và tăng cường công tác truyền thông với phương châm "Kiến tạo giá trị - Vị thế nâng tầm".
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng chức năng theo chuyên ngành nhằm giải quyết tốt các nghiệp vụ phát sinh; Củng cố và tăng cường lực lượng làm công tác thị trường và hồ sơ dự thầu các công trình đặc biệt là công trình giao thông;
- Đánh giá, thực hiện công tác định biên nhân sự và luân chuyển cán bộ để tạo nguồn cho các năm tiếp theo;
- Phát động các phong trào thi đua hoàn thành các mục tiêu tiến độ trên các công trình đang thi công.
- Theo dõi, đánh giá việc áp dụng quy chế trả lương nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp cho công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ cho phù hợp với pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu tối đa chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả điều hành sản xuất;
- Xây dựng cẩm nang điều hành cho toàn bộ các lĩnh vực liên quan trong và ngoài lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

### 3.2.4. Công tác Kinh tế - Kỹ thuật – Tài chính kế toán

- Quản lý chặt chẽ tiến độ, chất lượng các công trình thi công, duy trì và thực hiện nghiêm túc về việc giám sát thi công;
- Bám sát Chủ đầu tư để kịp thời giải quyết các vướng mắc về thiết kế, biện pháp thi công, dự toán để đẩy nhanh tiến độ thu vốn;
- Tập trung triển khai thi công đúng tiến độ các công trình nhằm hoàn thành xuất sắc kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra;
- Các phòng thường xuyên kết hợp với các đội trong công tác thanh, quyết toán công trình đã và đang thi công;
- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý, kịp thời hạch toán bảo đảm phản ánh đúng tình hình hiệu quả SXKD;
- Thu hồi công nợ: Đẩy nhanh tiến độ thu vốn, công nợ các hạng mục công trình đang thi công. Đôn đốc các đơn vị có liên quan hoàn tất thủ tục thanh toán dứt điểm công nợ tại các công trình cũ.
- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc hoạt động và bảo đảm chế độ của mạng lưới an toàn viên. Triển khai kiểm tra việc thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn trong ngành xây dựng.



### 3.2.5. Công tác quản lý vật tư cơ giới

- Cân đối bố trí xe máy thiết bị phù hợp với biện pháp thi công nhằm nâng cao hiệu quả và hệ số sử dụng xe máy thiết bị hiện có của Công ty;
- Tiếp tục chấn chỉnh lại công tác chăm sóc bảo dưỡng kỹ thuật xe, máy, thiết bị đúng quy trình quy phạm, đảm bảo kế hoạch sửa chữa lớn xe máy thiết bị.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, nâng cao kiến thức và kỹ năng vận hành, bảo dưỡng kỹ thuật xe, máy, đảm bảo năng lực xe, máy đáp ứng được yêu cầu tiến độ thi công;
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng xe máy, quyết toán nhiên liệu, sử dụng vật tư phụ tùng ở các đơn vị, có biện pháp chấn chỉnh kịp thời khi phát hiện sai sót;

#### Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2024:

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch Năm 2024
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.416,9	1.850
2	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	6,7	936,1
3	Doanh số	Tỷ đồng	1.506,4	1.800
4	Tiền về tài khoản	Tỷ đồng	1.748,1	1.690
5	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tỷ đồng	26,3	36,1
6	Thu nhập BQ tháng	Tr.đồng	21,3	21,3
7	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	254,098	431,967
8	Trả cổ tức	%	Không thực hiện	5%

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức vụ	Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác
1	Phan Thanh Hải	30,08%	Chủ tịch	0

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức vụ	Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác
2	Nguyễn Chính Đại	21,00%	Thành viên	0
3	Nguyễn Công Hùng	0,08%	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 31/03/2023)	4
4	Nguyễn Tài Sơn	0,06%	Thành viên độc lập	1
5	Nguyễn Quang Thiện	0%	Thành viên độc lập	1
6	Lưu Minh Thành	0,02%	Thành viên	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban.

- Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị: Gồm 2 thành viên là ông Nguyễn Quang Thiện – Chủ tịch và ông Nguyễn Tài Sơn – Thành viên.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban giám đốc, bộ máy giúp việc cho Giám đốc và người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp của công ty. Qua đó, Ban Giám đốc đã xây dựng và triển khai tổ chức thực hiện các công việc như: (1) xây dựng kế hoạch kinh doanh, triển khai linh hoạt và đồng bộ đến các đơn vị công tác đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, dự báo thị trường, chia sẻ thông tin kịp thời hàng tháng, quý; kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh; (2) thường xuyên, liên tục kiểm tra hoạt động, kiểm tra công tác tài chính kế toán, kiểm tra tính tuân thủ của hệ thống kiểm soát nội bộ và các đơn vị trong hệ thống; (3) thực hiện việc đánh giá năng suất lao động KPI nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, năng suất lao động và kết quả kinh doanh. Kiểm tra việc thực hiện các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng.

Các cuộc họp HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp (%)	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phan Thanh Hải	20/20	100	
2	Ông Nguyễn Công Hùng	4/20	20	Miễn nhiệm ngày 31/03/2023
3	Ông Nguyễn Chính Đại	20/20	100	
4	Ông Nguyễn Tài Sơn	20/20	100	
5	Ông Nguyễn Quang Thiện	20/20	100	
6	Ông Lưu Minh Thành	20/20	100	

Các Nghị quyết trong năm của HĐQT:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
1	01.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT	31/01/23	230131 - 01.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT - Sơ đồ tổ chức Công ty	100
2	02.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT	31/01/23	230131 - 02.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT - Sơ đồ phân chia nhiệm vụ Ban lãnh đạo Công ty	100
3	02.1.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT	31/01/23	230203 - 02.1.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT - Thanh lý 08 xe Howo, 01 xe tải pickup, 01 máy ủi	100
4	03.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT	07/02/23	230207 - 03.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT - Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2023	100
5	04.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT	16/03/23	230316 - 04.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT - Thông qua điều chỉnh chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	100
6	04.1.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT	07/04/23	230407 - 04.1.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT - Phê duyệt Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2023 -1	100
7	05.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT	17/04/23	230417 - 05.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT - Thông qua điều chỉnh phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu - Thay thế cho NQ số 04.2023	100
8	06.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT	21/04/23	230421 - 06.2023NQ.SCIIEC.HĐQ - Phê duyệt nội dung Thỏa thuận liên danh và hợp đồng thực hiện gói thầu EPC Thiết kế, cung cấp lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình TĐ NM2	100
9	07.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT	10/05/23	230510 - 07.2023NQ.SCIIEC.HĐQT - Thông qua điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và hồ sơ đăng ký chào bán thêm CP ra công chúng cho CĐ hiện hữu	100
10	08.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT	15/05/23	230515 - 08.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT - Miễn nhiệm chức vụ Phó giám đốc Công ty - Ông Nguyễn Cao Hải	100
11	09.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT	15/05/23	230515 - 09.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT - Bổ nhiệm Ông Nguyễn Chí Tuyển giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty	100
12	09.1.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT	15/05/23	230515 - 09.1.2023.QĐ.SCIIEC.HĐQT - Phân công nhiệm vụ Ban lãnh đạo công ty	100
13	09.2.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT	23/05/23	230523 - 09.2.2023.QĐ.SCIIEC.HĐQT - Thanh lý 01 dây chuyền trạm nghiền đá và cát, sản xuất năm 2019	100
14	10.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT	24/05/23	230524 - 10.2023.NQ.SCIIEC.HĐQT - Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính	100

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
			năm 2023	
15	10.1.2023.NQ.SCIEC.HĐQT	08/06/23	230608 - 10.1.2023.NQ.SCIEC.HĐQT - Phê duyệt Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2023 -2	100
16	11.2023.NQ.SCIEC.HĐQT	23/06/23	230623 - 11.2023.NQ.SCIEC.HĐQT - Bổ nhiệm Ông Bùi Chí Giang giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty	100
17	11.1.2023.NQ.SCIEC.HĐQT	29/06/23	230629 - 11.1.2023.NQ.SCIEC.HĐQT - Phê duyệt kế hoạch đầu tư tài sản thông qua Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV NHTMCP Công thương Việt Nam	100
18	12.2023.NQ.SCIEC.HĐQT	12/07/23	230707 - 12.2023.NQ.SCIEC.HĐQT - Phê duyệt kế hoạch thực hiện sản lượng năm 2023 và Phê duyệt phương án vay vốn tại ngân hàng BIDV - Chi nhánh Hà Đông	100
19	13.2023.QĐ.SCIEC.HĐQT	12/07/23	230707 - 13.2023.QĐ.SCIEC.HĐQT - Phê duyệt kế hoạch thực hiện sản lượng năm 2023 và Phê duyệt phương án vay vốn tại ngân hàng BIDV - Chi nhánh Hà Đông	100
20	14.2023.NQ.SCIEC.HĐQT	12/07/23	230712 - 14.2023.NQ.SCIEC.HĐQT - Thông qua kế hoạch thực hiện sản lượng năm 2023 và Phê duyệt phương án vay vốn tại ngân hàng BIDV - Chi nhánh Hà Đông	100
21	15.2023.NQ.SCIEC.HĐQT	30/08/23	230830 - 15.2023.NQ.SCIEC.HĐQT - Thành lập chi nhánh Miền Trung - Công ty cổ phần SCI E&C	100
22	16.2023.NQ.SCIEC.HĐQT	30/08/23	230830 - 16.2023.NQ.SCIEC.HĐQT - Bổ nhiệm Ông Nguyễn Thành Phong giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh Miền Trung - Công ty cổ phần SCI E&C	100
23	16A.2023.NQ.SCIEC.HĐQT	01/10/23	230830 - 16A.2023.NQ.SCIEC.HĐQT - Phê duyệt dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2023 -3 ( Máy xúc lật, bơm bê tông)	100
24	16.1.2023.NQ.SCIEC.HĐQT	16/10/23	231016 - 16.1.2023.NQ.SCIEC.HĐQT - Thanh lý xe ô tô 29H36794, 29H41644, 29H41649, 29H41633, 29H42586, 29H42613	100
25	17.2023.NQ.SCIEC.HĐQT	27/11/23	231127 - 17.2023.NQ.SCIEC.HĐQT - Phê duyệt dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2023 -3 ( Ô tô đầu kéo, sơ mi rơ moóc tải có mui)	100
26	18.2023.NQ.SCIEC.HĐQT	29/12/23	231229 - 18.2023.NQ.SCIEC.HĐQT - Thanh lý xe ô tô tái Pickup 31F-5452	100

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

- Các thành viên HĐQT độc lập tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT, trao

đối với Ban điều hành để đảm bảo công ty hoạt động đúng theo qui định.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp): Ủy ban kiểm toán (trình bày chi tiết phía dưới)

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

- Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT đã tham gia theo quy định về quản trị công ty.

## 2. Ủy ban kiểm toán

a) Thành viên và cơ cấu của Ủy ban kiểm toán (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp (%)	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Quang Thiện	Chủ tịch	0%	2/2	100	
2	Ông Nguyễn Tài Sơn	Thành viên	0,06%	2/2	100	

b) Hoạt động của Ủy ban kiểm toán (đánh giá hoạt động của Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

Hoạt động của Ủy ban kiểm toán

- Ủy ban kiểm toán đã tham gia các buổi họp Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Ủy ban kiểm toán đã thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty, hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và quy định pháp luật có liên quan, tình hình Ban Giám đốc công ty đã và đang triển khai thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

Stt	Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Quang Thiện	2/2	100	100	
2	Ông Nguyễn Tài Sơn	2/2	100	100	

Ủy ban kiểm toán tham gia các cuộc họp định kỳ để đánh giá xem xét các thông tin đã được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các bộ phận chức năng của Công ty cung cấp. Từ đó đưa ra các đánh giá trong việc cập nhật tình hình hoạt động Công ty, thu thập thông tin tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ủy ban kiểm

toán

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ)

	Năm 2023	Năm 2022
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</b>		
Lương, thưởng HĐQT và Ban Giám đốc		
Ông Phan Thanh Hải	527.125.583	636.663.836
Ông Nguyễn Chính Đại	501.680.000	759.502.441
Ông Nguyễn Công Hùng	27.220.000	185.894.381
Ông Nguyễn Văn Phúc	-	64.000.000
Ông Nguyễn Tài Sơn	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Quang Thiện	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Cao Hải	234.361.750	590.866.085
Ông Nguyễn Công Hòa	736.048.083	555.459.291
Ông Lưu Minh Thành	605.610.083	393.199.000
Bà Mai Thị Vân Anh	456.548.083	393.199.000
Ông Nguyễn Chí Tuyển	486.050.583	-
Ông Bùi Chí Giang	262.318.833	-
<b>Cộng</b>	<b>4.028.962.998</b>	<b>3.770.784.034</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu năm 2023		Số cổ phiếu sở hữu cuối năm 2023		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Mai Thị Vân Anh	Phó giám đốc	14.800	0.06%	0	0%	Bán
2	Nguyễn Văn Hùng	Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	13.600	0.05%	5000	0.02%	Bán

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Không phát sinh.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

Công ty đã thực hiện theo quy định pháp luật về quản trị công ty.

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán

Chấp nhận toàn phần

2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán (Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán). (Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ).

- Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023 được kiểm toán: File đính kèm.

- Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ năm 2023 đã được công bố trên website của công ty (<https://scigroup.vn/quan-he-co-dong#bao-cao-tai-chinh>) và các trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán theo qui định.

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- Công bố TT;
- Lưu: VT, TCKT

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**CHU TỊCH HDQT**



**Phan Thanh Hải**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**





## MỤC LỤC

----- oOo -----

---

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	04 - 05
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	06
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	07 - 08
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09 - 49

---

---

17  
G  
PH  
E  
LN  
HAI

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### 1. Thông tin chung về Công ty

#### Thành lập

Công ty Cổ phần SCI E&C (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười sáu ngày 11/07/2023.

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

#### Hoạt động kinh doanh của Công ty

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm 2023 là xây lắp.

**Tên tiếng anh:** SCI E&C Joint Stock Company

**Mã chứng khoán:** SCI (Niêm yết và giao dịch tại HNX (Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội))

**Trụ sở chính:** Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông	Phan Thanh Hải	Chủ tịch	
Ông	Nguyễn Chính Đại	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/01/2023
Ông	Nguyễn Công Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/03/2023
Ông	Lưu Minh Thành	Thành viên	
Ông	Nguyễn Tài Sơn	Thành viên độc lập	
Ông	Nguyễn Quang Thiện	Thành viên độc lập	

#### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Lưu Minh Thành	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2023
Ông	Nguyễn Chính Đại	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2023
Ông	Nguyễn Chí Tuyền	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/05/2023
Ông	Bùi Chí Giang	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/06/2023
Ông	Nguyễn Cao Hải	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/05/2023
Ông	Nguyễn Công Hòa	Phó Giám đốc	
Bà	Mai Thị Vân Anh	Phó Giám đốc	
Ông	Cao Lữ Phi Hùng	Kế toán trưởng	

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông	Phan Thanh Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông	Lưu Minh Thành	Giám đốc

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**4. Kiểm toán độc lập**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**5. Cam kết của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**6. Xác nhận**

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc



Phan Thanh Hải

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

==  
34  
NH  
TY  
1 T  
VỤ  
:E  
==  
VC  
==



**MOORE AISC**

Số: A0523036-HN/MOOREAISHN-TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

**Công ty Cổ phần SCI E&C**

MOORE AISC Auditing and Informatics Services Company Limited

389A Dien Bien Phu Street, Ward 4 District 3, Ho Chi Minh City Viet Nam

T (8428) 3832 9129  
F (8428) 3834 2957  
E info@aisc.com.vn

www.aisc.com.vn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần SCI E&C (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2024, từ trang 04 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SCI E&C chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán dựa trên các Chuẩn mực Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC



**Nguyễn Thị Phượng**  
Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 4945-2024-005-1

**Phan Công Văn**  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số : 5298-2021-005-1

Branch in Ha Noi:

6th floor, 36 Hoa Binh 4 Str., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi City

T: (84.24) 3782 0045

F: (84.24) 3782 0048

E: hanoi@aisc.com.vn

Branch in Da Nang:

350 Hai Phong Str., Chinh Gian Ward, Thanh Khe Dist., Da Nang City

T: (84.236) 374 7619

F: (84.236) 374 7620

E: danang@aisc.com.vn



Handwritten notes in red ink on the right margin

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.579.388.241.243</b>	<b>1.358.577.851.582</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>108.532.937.558</b>	<b>73.145.881.876</b>
1. Tiền	111		28.532.937.558	23.145.881.876
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	50.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.978.334.056</b>	<b>5.702.711.600</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		175.656	175.656
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(64.056)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	5.978.158.400	5.702.600.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>824.231.934.269</b>	<b>800.227.142.492</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	710.445.023.556	703.407.394.847
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	112.935.511.085	137.410.087.137
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	14.108.567.519	21.204.269.799
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(13.257.167.891)	(61.794.609.291)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>469.111.421.313</b>	<b>334.286.997.796</b>
1. Hàng tồn kho	141		469.111.421.313	334.286.997.796
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>171.533.614.047</b>	<b>145.215.117.818</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	-	54.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		171.042.606.605	145.161.117.818
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		491.007.442	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>117.889.844.988</b>	<b>168.696.722.631</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.460.050.000</b>	<b>5.073.050.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	4.460.050.000	5.073.050.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>106.996.950.923</b>	<b>162.647.837.864</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	76.731.366.196	107.173.262.180
- Nguyên giá	222		478.859.098.230	455.159.919.426
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(402.127.732.034)	(347.986.657.246)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	30.265.584.727	55.474.575.684
- Nguyên giá	225		90.414.862.271	122.732.636.680
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(60.149.277.544)	(67.258.060.996)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
- Nguyên giá	228		110.000.000	110.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(110.000.000)	(110.000.000)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.8</b>	<b>1.779.636.364</b>	<b>-</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.779.636.364	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.653.207.701</b>	<b>975.834.767</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	4.653.207.701	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	975.834.767
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.697.278.086.231</b>	<b>1.527.274.574.213</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.199.765.347.231</b>	<b>1.049.918.771.393</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.078.327.457.689</b>	<b>833.143.342.987</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.13	315.665.659.377	300.667.747.904
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	304.127.197.125	78.574.857.977
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	545.534.231	2.390.268.225
4. Phải trả người lao động	314		27.223.843.019	24.547.031.165
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	164.804.481.646	7.464.516.836
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	49.032.972.866	33.394.456.693
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	198.917.242.496	369.296.923.326
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.010.526.929	16.807.540.861
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>121.437.889.542</b>	<b>216.775.428.406</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	3.316.557.395	18.366.572.738
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	118.121.332.147	198.408.855.668
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>497.512.739.000</b>	<b>477.355.802.820</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>497.512.739.000</b>	<b>477.355.802.820</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		254.098.470.000	254.098.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254.098.470.000	254.098.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.830.997.949)	(3.830.997.949)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.560.557.541	9.560.557.541
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		237.684.709.408	217.527.773.228
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		216.559.794.602	187.453.121.526
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.124.914.806	30.074.651.702
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.697.278.086.231</b>	<b>1.527.274.574.213</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU



Bùi Thị Hoa

KÊ TOÁN TRƯỞNG



Cao Lữ Phi Hùng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.480.235.833.532	2.258.042.479.645
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	1.480.235.833.532	2.258.042.479.645
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.460.452.427.130	2.206.234.890.790
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		19.783.406.402	51.807.588.855
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	8.414.948.639	18.705.257.474
6. Chi phí tài chính	22	VI.5	27.642.056.838	42.069.367.283
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.986.609.205	33.147.699.947
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.185.771.685	28.687.047.759
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		(12.629.473.482)	(243.568.713)
9. Thu nhập khác	31	VI.7	39.035.215.986	38.460.504.667
10. Chi phí khác	32	VI.8	119.900.349	391.925.935
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		38.915.315.637	38.068.578.732
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		26.285.842.155	37.825.010.019
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	4.185.092.582	9.177.161.099
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	975.834.767	(1.426.802.782)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		21.124.914.806	30.074.651.702
Cổ đông của Công ty mẹ	61		21.124.914.806	30.074.651.702
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	831,37	1.183,58
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	831,37	1.183,58

351  
CHI  
ÔNG  
KIẾ  
DỊCH  
100  
TRU

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Thị Hoa



Cao Lữ Phi Hùng



Phan Thanh Hải

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.285.842.155	37.825.010.019
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8-10	61.527.786.760	82.803.633.373
- Các khoản dự phòng	03		(128.825.028.977)	104.143.500.511
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.271.263.997	(4.789.731.026)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.664.046.583)	(3.650.373.381)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	20.986.609.205	33.147.699.947
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(22.417.573.443)	249.479.739.443
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		18.124.927.318	11.003.742.818
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(272.587.319.509)	306.962.873.541
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		532.872.527.286	(636.625.766.872)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(4.599.207.701)	(21.188.927)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(21.199.024.890)	(37.538.710.966)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.168.076.710)	(8.917.296.282)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>225.026.252.351</b>	<b>(115.656.607.245)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH				
1. khác	21		(8.097.356.882)	(16.700.495.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH				
2. khác	22		1.963.330.817	458.796.882
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác				
3. khác	23		(275.558.400)	(252.600.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị				
4. khác	24		-	6.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	77.500.000.000
6. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.183.376.724	2.913.295.832
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.226.207.741)</b>	<b>69.918.997.714</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	1.105.119.971.461	1.495.582.541.892
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(1.256.349.962.378)	(1.631.156.296.530)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(34.199.705.256)	(37.200.432.864)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(27.072.150)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(185.429.696.173)</b>	<b>(172.801.259.652)</b>





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập**

Công ty Cổ phần SCI E&C (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười sáu ngày 11/07/2023.

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm 2023 là xây lắp.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng công trình điện (Xây dựng đường dây; trạm biến áp đến 220kV; Xây dựng nhà máy điện);
- Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển;
- Xây dựng công trình thủy như: Đường thủy, cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch (bến tàu), cửa cống .. Đập và đê;
- Xây dựng công trình công nghiệp khai khoáng không phải nhà như: Nhà máy lọc dầu, công trình khai thác than, quặng ....
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo không phải nhà như: Nhà máy sản xuất hóa chất cơ bản, hóa dược, dược liệu và hóa chất khác; Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng; Nhà máy chế biến thực phẩm, ...
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác không phải nhà như : Công trình thể thao ngoài trời;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rơ le, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm).

**Tên tiếng anh:** SCI E&C Joint Stock Company  
**Mã chứng khoán:** SCI (Niêm yết và giao dịch tại HNX (Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội))  
**Trụ sở chính:** Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần SCI E&C - Chi nhánh Miền Nam	Sóc Trăng	Xây lắp
Công ty Cổ phần SCI E&C - Chi nhánh Miền Trung	Quảng Trị	Xây lắp

**Tổng số các công ty con:**

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 01 công ty con.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có.

Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty con và địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc Địa chỉ: Bàn Nà Cúng, Xã Bàn Lang, Huyện Phong Thổ, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam	Xây lắp	100%	100%	100%

Danh sách các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Không có.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hằng năm.

512  
 CHI  
 VG  
 LIÊN  
 CH  
 DOR  
 PUT

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có.

**6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2023: 719 người**

(Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 709 nhân viên)

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất:**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C và các Công ty con ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày "Công ty" thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày "Công ty" thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

11-C  
HÁN  
TN  
TOÁN  
TIN  
AIS  
11-1111-11  
11-11  
11-11  
11-11

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty Cổ phần SCI E&C theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần SCI E&C. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty Cổ phần SCI E&C.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng "Công ty" và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty", kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty" đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

**3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá quy đổi các giao dịch phát sinh**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán**

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Các giao dịch bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán**

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá thực tế đích danh.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

**Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh** được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải thu của khách hàng** phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- **Phải thu nội bộ** phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- **Phải thu khác** phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

**Dự phòng phải thu khó đòi** được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất. Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ đang được tập hợp theo từng loại sản phẩm chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc, sản phẩm còn dở dang cuối kỳ.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. (Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.)

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

100%  
C/1  
C/2  
KI  
DI  
MC  
T/1

G  
T  
E  
H  
N

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****8.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp.

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**8.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình**

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

*Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, (hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh).

*Phần mềm máy vi tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

**8.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

041  
NH,  
TY  
1 T  
VỤ  
IE,  
NG



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**8.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

Nhà cửa, vật kiến trúc	40 năm
Máy móc, thiết bị	Từ 3 đến 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Từ 3 đến 10 năm
Tài sản cố định khác	Từ 3 đến 5 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm
TSCĐ vô hình	3 năm

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay) có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau:

**Chi phí sửa chữa tài sản cố định:** Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

**11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

22-1  
H  
HH  
N  
HỘ  
P.H

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

**14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

**Dự phòng bảo hành công trình xây dựng:** Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

**15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Thặng dư vốn cổ phần:** Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm (5) điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác ( tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng**

**Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện:** khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì: Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn; Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

**Tiền lãi** được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Tiền bản quyền** được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia** được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**19. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

**Thuế thu nhập hiện hành** là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Thuế thu nhập hoãn lại** là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại** được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

**Thuế suất Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả** được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế: đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty đã được kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo của người nộp thuế đến năm 2022.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

 11  
 35  
 CT  
 ON  
 KII  
 DTC  
 MO  
 TH

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**21. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**22. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

NH,  
TY  
1 TC  
VỤ  
E  
VG

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**23. Các bên liên quan**

Theo chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan tại công ty như sau:

(i) Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với doanh nghiệp báo cáo (bao gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn);

(ii) Các công ty liên kết (quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”);

(iii) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với doanh nghiệp như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;

(iv) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

(v) Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trường hợp (iii) hoặc trường hợp (iv) của Mục 1.3 bài viết này nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của doanh nghiệp báo cáo và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với doanh nghiệp báo cáo.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**24. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

D  
H  
N  
H  
C  
C  
P

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
<b>Tiền</b>	<b>28.532.937.558</b>	<b>23.145.881.876</b>
Tiền mặt	1.149.632.364	1.219.240.988
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.383.305.194	21.926.640.888
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông (VND)	26.784.832.952	17.483.395.480
+ Lao development Bank (LAK)	320.076.908	4.203.453.774
+ Tiền gửi không kỳ hạn ngân hàng khác	278.395.334	239.791.634
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	80.000.000.000	50.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>108.532.937.558</b>	<b>73.145.881.876</b>

(\*) Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Đông với kỳ hạn 1 tháng, lãi suất từ 2,1% - 2,3%/năm.

**2. Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Ngắn hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.978.158.400	5.978.158.400	5.702.600.000	5.702.600.000
<b>Cộng</b>	<b>5.978.158.400</b>	<b>5.978.158.400</b>	<b>5.702.600.000</b>	<b>5.702.600.000</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông kỳ hạn 12 tháng lãi suất 4,8%-6,2%/năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>710.445.023.556</b>	<b>(12.873.626.681)</b>	<b>703.407.394.847</b>	<b>(59.866.354.258)</b>
Công ty Cổ phần SCI	556.236.094.766	-	448.594.852.248	(46.981.750.904)
Công ty CP Điện gió Hướng Linh 7	-	-	90.824.545.592	-
Công ty CP SCI Lai Châu	63.175.923.889	-	70.894.745.628	-
Công ty Đầu tư Phát triển hạ tầng Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera	14.352.934.979	-	-	-
Các khách hàng khác	76.680.069.922	(12.873.626.681)	93.093.251.379	(12.884.603.354)
<b>Cộng</b>	<b>710.445.023.556</b>	<b>(12.873.626.681)</b>	<b>703.407.394.847</b>	<b>(59.866.354.258)</b>
<b>b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần SCI	556.236.094.766	-	448.594.852.248	(46.981.750.904)
Công ty CP SCI Lai Châu	63.175.923.889	-	70.894.745.628	-
<b>Cộng</b>	<b>619.412.018.655</b>	<b>-</b>	<b>519.489.597.876</b>	<b>(46.981.750.904)</b>

**4. Trả trước cho người bán**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>112.935.511.085</b>	<b>-</b>	<b>137.410.087.137</b>	<b>(1.544.713.823)</b>
Voith Hydro Private Limited	29.824.357.428	-	82.168.349.009	-
Voith Hydro S.L (VHTO)	-	-	12.830.649.155	-
Công ty Cổ phần SCI	-	-	1.284.449.693	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hưng Hà	21.366.856.000	-	-	-
Công ty CP DVC Việt Nam	14.649.000.000	-	-	-
Công ty CP TS INVEST	10.324.793.550	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	36.770.504.107	-	41.126.639.280	(1.544.713.823)
<b>Cộng</b>	<b>112.935.511.085</b>	<b>-</b>	<b>137.410.087.137</b>	<b>(1.544.713.823)</b>
<b>b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần SCI	-	-	1.284.449.693	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.284.449.693</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5. Phải thu khác**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>14.108.567.519</b>	<b>(383.541.210)</b>	<b>21.204.269.799</b>	<b>(383.541.210)</b>
Dự thu lãi tiền gửi	219.653.088	-	702.314.046	-
Phải thu người lao động	2.031.706.642	-	1.966.446.045	-
Ký cược, ký quỹ	239.000.000	-	3.000.000	-
Tạm ứng	4.570.752.825	-	1.466.476.389	-
Phải thu vật tư tạm ứng cho thầu phụ	1.399.476.688	-	1.258.582.461	-
Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ thuê tài chính	2.391.955.527	-	5.371.256.980	-
Phải thu khác	3.256.022.749	(383.541.210)	10.436.193.878	(383.541.210)
<b>b. Dài hạn</b>	<b>4.460.050.000</b>	<b>-</b>	<b>5.073.050.000</b>	<b>-</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	4.460.050.000	-	5.073.050.000	-
<b>Cộng</b>	<b>18.568.617.519</b>	<b>(383.541.210)</b>	<b>26.277.319.799</b>	<b>(383.541.210)</b>

500  
C  
CÔ  
K  
A D  
M  
3A

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**6. Nợ xấu**

	31/12/2023		01/01/2023			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Ngắn hạn	13.257.167.891	-		71.021.594.519	9.226.985.228	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	12.873.626.681	-		65.489.007.233	5.622.652.975	
Công ty CP Xây lắp và Phát triển Thành Nam (VNCON)	6.248.083.094	-	Trên 3 năm	6.248.083.094	-	Trên 3 năm
Công ty CP Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68	3.425.189.422	-	Trên 3 năm	3.425.189.422	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH XD Chitcareune	1.810.101.671	-	Trên 3 năm	1.810.101.671	-	Trên 3 năm
Công trình Namtheun- Công ty CP SCI	-	-		33.862.227.295	-	Trên 3 năm
Công trình Namtheun- Công ty CP SCI	-	-		18.742.176.584	5.622.652.975	Trên 2 năm và dưới 3 năm
Khách hàng khác	1.390.252.494	-	Trên 3 năm	1.401.229.167	-	Trên 3 năm
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	-	-		<b>5.149.046.076</b>	<b>3.604.332.253</b>	
Công ty CP CT Ngâm Việt Nam - XD Thủy điện	-	-		4.609.687.306	3.226.781.114	Trên 2 năm và dưới 3 năm
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tân Đông	-	-		539.358.770	377.551.139	Trên 2 năm và dưới 3 năm
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>383.541.210</b>	-		<b>383.541.210</b>	-	
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.257.167.891</b>	-		<b>71.021.594.519</b>	<b>9.226.985.228</b>	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	(61.794.609.291)	-	(61.794.609.291)
Hoàn nhập dự phòng	48.537.441.400	-	48.537.441.400
Số cuối năm	(13.257.167.891)	-	(13.257.167.891)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	743.225.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	58.288.229.764	-	54.606.601.283	-
Chi phí SX, KD dở dang	410.079.966.549	-	279.680.396.513	-
<b>Cộng</b>	<b>469.111.421.313</b>	<b>-</b>	<b>334.286.997.796</b>	<b>-</b>

**8. Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
Xây dựng cơ bản dở dang	1.779.636.364	-
Mua sắm tài sản cố định	1.779.636.364	-
<b>Cộng</b>	<b>1.779.636.364</b>	<b>-</b>

02-  
H  
HH  
N  
HỘ  
SC  
TP. H

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

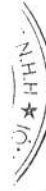
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm		11.221.128.927	352.043.989.304	90.058.949.295	1.699.851.900	136.000.000	455.159.919.426
Mua trong năm		-	2.106.084.562	-	303.681.818	-	2.409.766.380
Tăng do mua lại tài sản thuê tài chính		-	26.932.364.819	9.293.363.728	-	-	36.225.728.547
Thanh lý, nhượng bán		-	(5.321.007.395)	(9.615.308.728)	-	-	(14.936.316.123)
Số dư cuối năm		11.221.128.927	375.761.431.290	89.737.004.295	2.003.533.718	136.000.000	478.859.098.230
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu năm		8.200.806.360	249.670.168.284	88.350.625.439	1.629.057.163	136.000.000	347.986.657.246
Khấu hao trong năm		280.528.224	35.353.269.081	1.841.488.555	105.234.126	-	37.580.519.986
Tăng do mua lại tài sản thuê tài chính		-	23.716.637.876	7.339.412.350	-	-	31.056.050.226
Thanh lý, nhượng bán		-	(4.880.186.696)	(9.615.308.728)	-	-	(14.495.495.424)
Số dư cuối năm		8.481.334.584	303.859.888.545	87.916.217.616	1.734.291.289	136.000.000	402.127.732.034
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số dư đầu năm		3.020.322.567	102.373.821.020	1.708.323.856	70.794.737	-	107.173.262.180
Số dư cuối năm		2.739.794.343	71.901.542.745	1.820.786.679	269.242.429	-	76.731.366.196

\* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 58.560.310.675 đồng

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 287.194.147.121 đồng

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm: tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	109.034.620.863	13.698.015.817	122.732.636.680
<i>Thuê TC trong năm</i>	3.727.287.411	-	3.727.287.411
<i>Mua lại TSCĐ thuê TC</i>	(26.767.955.092)	(9.277.106.728)	(36.045.061.820)
Số dư cuối năm	85.993.953.182	4.420.909.089	90.414.862.271
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	60.417.888.024	6.840.172.972	67.258.060.996
<i>Khấu hao trong năm</i>	20.747.557.056	3.199.709.718	23.947.266.774
<i>Mua lại TSCĐ thuê TC</i>	(23.716.637.876)	(7.339.412.350)	(31.056.050.226)
Số dư cuối năm	57.448.807.204	2.700.470.340	60.149.277.544
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	48.616.732.839	6.857.842.845	55.474.575.684
Số dư cuối năm	28.545.145.978	1.720.438.749	30.265.584.727

\* Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 30.910.000.000 đồng

**11. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	110.000.000	110.000.000
Số dư cuối năm	110.000.000	110.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	110.000.000	110.000.000
<i>Khấu hao trong năm</i>	-	-
Số dư cuối năm	110.000.000	110.000.000
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-

\* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 110.000.000 đồng

**12. Chi phí trả trước**

	31/12/2023	01/01/2023
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	54.000.000
	-	54.000.000
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.653.207.701	-
	4.653.207.701	-
<b>Cộng</b>	<b>4.653.207.701</b>	<b>54.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**13. Phải trả người bán**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>315.665.659.377</b>	<b>315.665.659.377</b>	<b>300.667.747.904</b>	<b>300.667.747.904</b>
Voith Hydro Private Limited	88.478.148.353	88.478.148.353	30.977.314.253	30.977.314.253
Công ty Cổ phần SCI	24.753.447.357	24.753.447.357	15.287.526.929	15.287.526.929
Voith Hydro S.L (VHTO)	29.882.753.036	29.882.753.036	-	-
Công ty CP Thương mại và Sản xuất HTD	1.783.281.668	1.783.281.668	23.994.443.001	23.994.443.001
Công ty CP DVC Việt Nam	1.375.680.859	1.375.680.859	12.485.667.727	12.485.667.727
Công ty CP Tư vấn SCI	8.232.027.794	8.232.027.794	8.221.953.896	8.221.953.896
Công ty CP SCI Lai Châu	-	-	2.300.014.555	2.300.014.555
Các nhà cung cấp khác	161.160.320.310	161.160.320.310	207.400.827.543	207.400.827.543
<b>Cộng</b>	<b>315.665.659.377</b>	<b>315.665.659.377</b>	<b>300.667.747.904</b>	<b>300.667.747.904</b>
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần SCI	24.753.447.357	24.753.447.357	15.287.526.929	15.287.526.929
Công ty CP Tư vấn SCI	8.232.027.794	8.232.027.794	8.221.953.896	8.221.953.896
Công ty CP SCI Lai Châu	-	-	2.300.014.555	2.300.014.555
<b>Cộng</b>	<b>32.985.475.151</b>	<b>32.985.475.151</b>	<b>25.809.495.380</b>	<b>25.809.495.380</b>

**14. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2023	01/01/2023
	<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>304.127.197.125</b>
Công ty Cổ phần SCI	242.612.355.084	-
Công ty Cổ phần Quản lý đầu tư MEKONG	15.774.779.065	29.397.374.787
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú	13.588.401.409	13.588.401.409
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	12.700.000.000	24.425.463.553
Các khách hàng khác	19.451.661.567	11.163.618.228
<b>Cộng</b>	<b>304.127.197.125</b>	<b>78.574.857.977</b>
<b>b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	12.700.000.000	24.425.463.553
Công ty Cổ phần SCI	242.612.355.084	-
<b>Cộng</b>	<b>255.312.355.084</b>	<b>24.425.463.553</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2023	Số phải nộp tăng trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
<b>Phải nộp</b>				
Thuế GTGT nội địa	-	3.463.876.607	3.463.876.607	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	8.488.954.393	8.488.954.393	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.234.668.480	1.234.668.480	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.276.998.198	4.185.092.582	5.168.076.710	294.014.070
Thuế thu nhập cá nhân	960.553.604	3.550.238.878	4.335.784.911	175.007.571
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	43.583.905	48.826.575	48.826.575	43.583.905
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	109.132.518	12.675.858	88.879.691	32.928.685
<b>Cộng</b>	<b>2.390.268.225</b>	<b>9.031.502.373</b>	<b>10.876.236.367</b>	<b>545.534.231</b>

**Trình bày cách xác định các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp.****Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

	Mức thuế suất
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho công trình xây dựng ở nước ngoài là 0%	0%
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các công trình xây dựng trong nước là 10%	10%

*Trong năm Công ty được giảm thuế GTGT theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP giảm thuế GTGT 8% từ 01/7/2023 và Nghị quyết Kỳ họp thứ 5, Nghị quyết 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022.*

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

**Vị trí đất**

	Mức tiền thuê
<b>Xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội</b>	<b>5.345 VND/m2</b>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**16. Chi phí phải trả**

	31/12/2023	01/01/2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>164.804.481.646</b>	<b>7.464.516.836</b>
Chi phí lãi vay	329.179.510	541.595.195
Trích trước chi phí các công trình	164.475.302.136	6.922.921.641
<b>Cộng</b>	<b>164.804.481.646</b>	<b>7.464.516.836</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**17. Phải trả khác**

Ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn	2.476.293.898	1.657.899.699
Cổ tức phải trả	494.134.700	494.134.700
Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	5.071.655.479	5.151.715.961
Liên danh chủ đầu tư công trình Namtheun (JV)	19.338.289.800	19.338.289.800
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.652.598.989	6.752.416.533
<b>Cộng</b>	<b>49.032.972.866</b>	<b>33.394.456.693</b>

**18. Dự phòng phải trả**

Dài hạn	31/12/2023	01/01/2023
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	118.121.332.147	198.408.855.668
<b>Cộng</b>	<b>118.121.332.147</b>	<b>198.408.855.668</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C  
 11/01/2023

057  
 ĐNC  
 0 PI  
 11  
 LIẾT



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Trong năm						Số có khả năng trả nợ
	01/01/2023	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị	
<b>19. Vay và nợ thuê tài chính</b>							
<b>a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>							
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông (1)	304.816.665.526	304.816.665.526	304.816.665.526	1.063.096.793.321	1.186.710.514.545	181.202.944.302	181.202.944.302
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bắc Từ	14.310.939.433	14.310.939.433	-	-	14.310.939.433	-	-
Vay ngắn hạn cá nhân	2.000.000.000	2.000.000.000	38.000.000.000	38.000.000.000	40.000.000.000	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>							
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông (2)	15.854.103.136	15.854.103.136	15.854.103.136	8.738.226.426	19.294.103.136	5.298.226.426	5.298.226.426
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông (2)	15.854.103.136	15.854.103.136	8.738.226.426	8.738.226.426	19.294.103.136	5.298.226.426	5.298.226.426
<b>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</b>							
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST- CN Hà Nội (3)	32.315.215.231	32.315.215.231	32.315.215.231	13.542.426.165	33.441.569.628	12.416.071.768	12.416.071.768
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (4)	9.915.737.500	9.915.737.500	9.915.737.500	1.922.253.125	9.915.737.500	1.922.253.125	1.922.253.125
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (4)	19.931.386.203	19.931.386.203	19.931.386.203	9.169.766.707	21.057.740.600	8.043.412.310	8.043.412.310
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (5)	2.468.091.528	2.468.091.528	2.468.091.528	2.450.406.333	2.468.091.528	2.450.406.333	2.450.406.333

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

	01/01/2023		Trong kỳ		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
Vay dài hạn	18.366.572.738	18.366.572.738	(18.257.474.451)	(3.207.459.108)	3.316.557.395	3.316.557.395
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông (2)	20.626.734.826	20.626.734.826	-	15.328.508.400	5.298.226.426	5.298.226.426
	20.626.734.826	20.626.734.826	-	15.328.508.400	5.298.226.426	5.298.226.426
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST- Chi nhánh Hà Nội (3)	45.909.156.279	45.909.156.279	4.023.178.140	34.199.705.256	15.732.629.163	15.732.629.163
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (4)	11.837.990.625	11.837.990.625	930.000.000	10.055.237.500	2.712.753.125	2.712.753.125
	27.959.015.648	27.959.015.648	3.093.178.140	21.676.376.228	9.375.817.560	9.375.817.560
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (5)	6.112.150.006	6.112.150.006	-	2.468.091.528	3.644.058.478	3.644.058.478
	(48.169.318.367)	(48.169.318.367)	(22.280.652.591)	(52.735.672.764)	(17.714.298.194)	(17.714.298.194)
<b>Nợ đến hạn trả trong 12 tháng</b>	<b>387.663.496.064</b>	<b>387.663.496.064</b>	<b>1.105.119.971.461</b>	<b>1.290.549.667.634</b>	<b>202.233.799.891</b>	<b>202.233.799.891</b>
<b>Cộng</b>						

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

Thuyết minh chi tiết các khoản vay

Vay ngắn hạn		Mục đích vay		Thời hạn hợp đồng		Dự nợ gốc tại		Phương thức đảm bảo tiền vay
Ngân hàng / Hợp đồng / Tài khoản	Hạn mức / Số tiền cho vay					31/12/2023		
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông (1)</b>								
Hợp đồng tín dụng số								
1	01/2023/283367/HĐTD ngày 04/08/2023	1.200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động		Thời hạn cấp tín dụng đến 15/08/2024	181.202.944.302		Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
<b>Vay dài hạn</b>								
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông (2)</b>								
Hợp đồng tín dụng số								
1	02/2020/283367/HĐTD ngày 27/04/2020	34.400.000.000	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2019-1.2		60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	5.298.226.426		Tài sản hình thành từ vốn vay
<b>Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST-CN Hà Nội (3)</b>								
Hợp đồng thuê tài chính								
1	21719000076/HĐCTTC ngày 03/05/2019	15.652.000.000	Phục vụ thi công xây dựng		60 tháng kể từ ngày nhận nợ	1.565.200.000		
Hợp đồng thuê tài chính								
2	21720000001/HĐCTTC ngày 06/01/2020	5.712.850.000	Phục vụ thi công xây dựng		48 tháng kể từ ngày nhận nợ	357.053.125		
Hợp đồng thuê tài chính								
3	21720000642/HĐCTTC ngày 13/12/2023	930.000.000	Phục vụ thi công xây dựng		36 tháng kể từ ngày nhận nợ	790.500.000		

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

TS/SC  
TN/SH/S/II

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)		Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại 31/12/2023	Phương thức đảm bảo tiền vay
Ngân hàng / Hợp đồng / Tài khoản	Hạn mức / Số tiền cho vay				
<b>Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (4)</b>					
Hợp đồng thuê tài chính					
1 số 02.092/2023/TSC-CTTC ngày 25/07/2023	3.728.814.900	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	2.262.436.512	
Hợp đồng thuê tài chính					
2 số 02.048/2021/TSC-CTTC ngày 26/04/2021	701.250.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	100.050.000	
Hợp đồng thuê tài chính					
3 số 02.115/2020/TSC-CTTC ngày 29/09/2020	1.307.781.818	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	406.143.818	
Hợp đồng thuê tài chính					
4 số 02.006/2021/TSC-CTTC ngày 29/01/2021	6.583.493.864	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	150.450.000	
Hợp đồng thuê tài chính					
5 số 02.026/2021/TSC-CTTC ngày 02/02/2021	18.365.652.820	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1.907.020.000	
Hợp đồng thuê tài chính					
6 số 02.096/2021/TSC-CTTC ngày 20/08/2021	913.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	182.570.000	
Hợp đồng thuê tài chính					
7 số 02.099/2021/TSC-CTTC ngày 08/09/2021	3.600.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	648.000.000	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)		Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại 31/12/2023	Phương thức đảm bảo tiền vay
Ngân hàng / Hợp đồng / Tài khoản	Hạn mức / Số tiền cho vay				
<b>Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (4) (tiếp)</b>					
Hợp đồng thuê tài chính					
8 số 02.043/2021/TSC-CTTC ngày 19/04/2021	907.500.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	106.800.000	
Hợp đồng thuê tài chính					
9 số 02.101/2021/TSC-CTTC ngày 27/09/2021	800.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	171.428.500	
Hợp đồng thuê tài chính					
10 số 02.104/2021/TSC-CTTC ngày 27/09/2021	2.364.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	675.428.500	
Hợp đồng thuê tài chính					
11 số 02.116/2021/TSC-CTTC ngày 30/12/2021	980.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	345.872.000	
Hợp đồng thuê tài chính					
12 số 02.114/2021/TSC-CTTC ngày 13/12/2021	1.083.469.950	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	382.401.230	
Hợp đồng thuê tài chính					
13 số 02.113/2021/TSC-CTTC ngày 13/12/2021	1.785.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	630.000.000	
Hợp đồng thuê tài chính					
14 số 02.102/2021/TSC-CTTC ngày 27/09/2021	1.312.500.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	347.426.500	
Hợp đồng thuê tài chính					
15 số 02.103/2021/TSC-CTTC ngày 27/09/2021	2.480.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	656.470.500	
Hợp đồng thuê tài chính					
16 số 02.017/2022/TSC-CTTC ngày 30/03/2022	1.210.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	403.320.000	

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)		Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại 31/12/2023	Phương thức đảm bảo tiền vay
Ngân hàng / Hợp đồng / Hạn mức / Số tiền Tài khoản					
<b>Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (5)</b>					
Hợp đồng thuê tài chính					
1	số 124.20.05/CTTC ngày 19/11/2020	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	429.000.000	
2	số 124.20.06/CTTC ngày 19/11/2020	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	429.000.000	
3	số 124.20.07/CTTC ngày 19/11/2020	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	153.582.000	
4	số 60.22.08/CTTC ngày 17/10/2022	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1.571.364.478	
5	số 60.22.04/CTTC ngày 05/08/2022	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1.061.112.000	

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**20. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2023	Tỷ lệ vốn góp	01/01/2023
Công ty Cổ phần SCI	51,00%	129.589.910.000	51,00%	129.589.910.000
Các cổ đông khác	49,00%	124.508.560.000	49,00%	124.508.560.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>254.098.470.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>254.098.470.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023	Năm 2022
Vốn góp của chủ sở hữu	254.098.470.000	254.098.470.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>	254.098.470.000	254.098.470.000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
<i>Vốn góp cuối năm</i>	254.098.470.000	254.098.470.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.409.847	25.409.847
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.409.847	25.409.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.409.847	25.409.847
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.409.847	25.409.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.409.847	25.409.847
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2023	01/01/2023
Quỹ đầu tư phát triển	9.560.557.541	9.560.557.541
<b>Cộng</b>	<b>9.560.557.541</b>	<b>9.560.557.541</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại	31/12/2023		01/01/2023	
	Số lượng	Giá trị (đồng)	Số lượng	Giá trị (đồng)
Đồng đô la Mỹ (USD)	8.496,93	204.784.492	10.070,29	234.216.412
Kip Lào (LAK)	278.327.746,00	320.076.908	2.917.196.919	4.054.903.717
Đồng Euro (EUR)	3.838,65	101.505.422	-	-
<b>Cộng</b>		<b>626.366.822</b>		<b>4.289.120.129</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.473.071.479.451	2.167.718.663.456
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	7.164.354.081	90.323.816.189
<b>Cộng</b>	<b>1.480.235.833.532</b>	<b>2.258.042.479.645</b>
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần SCI	1.195.529.747.437	1.213.403.719.548
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	-	9.936.535.345
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	2.332.775.366	6.922.111.111
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	233.982.956.477	667.837.639.998
<b>Cộng</b>	<b>1.431.845.479.280</b>	<b>1.898.100.006.002</b>

**2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.473.071.479.451	2.167.718.663.456
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	7.164.354.081	90.323.816.189
<b>Cộng</b>	<b>1.480.235.833.532</b>	<b>2.258.042.479.645</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.454.026.539.686	2.121.187.323.642
Giá vốn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	6.425.887.444	85.047.567.148
<b>Cộng</b>	<b>1.460.452.427.130</b>	<b>2.206.234.890.790</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.700.715.766	3.106.160.465
Lãi bán các khoản đầu tư	-	85.411.534
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	6.714.232.873	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	15.513.680.975
<b>Cộng</b>	<b>8.414.948.639</b>	<b>18.705.257.474</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5. Chi phí tài chính**

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền vay	20.986.609.205	33.147.699.947
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	5.568.540.190
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.383.917.212	3.022.807.084
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.271.263.997	194.064.694
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	450	64.056
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(64.056)	-
Chi phí tài chính khác	330.030	136.191.312
<b>Cộng</b>	<b>27.642.056.838</b>	<b>42.069.367.283</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2023	Năm 2022
<b>a. Các khoản ghi tăng chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.858.889.333	6.412.789.805
Chi phí nhân công	30.495.673.519	25.840.742.265
Chi phí khấu hao tài sản cố định	629.669.907	1.101.194.593
Chi phí dự phòng	37.795.855.579	32.303.006.063
Thuế, phí, và lệ phí	7.077.152.251	6.245.563.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.748.087.403	7.819.618.421
Chi phí khác bằng tiền	8.913.740.672	7.084.217.725
<b>Cộng</b>	<b>99.519.068.664</b>	<b>86.807.132.735</b>
<b>b. Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(86.333.296.979)	(58.120.084.976)
<b>Cộng</b>	<b>(86.333.296.979)</b>	<b>(58.120.084.976)</b>

**7. Thu nhập khác**

	Năm 2023	Năm 2022
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.963.330.817	458.796.882
Tiền phạt thu được	-	37.759.126.037
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình do hết thời hạn bảo hành	36.044.616.970	-
Các khoản khác	1.027.268.199	242.581.748
<b>Cộng</b>	<b>39.035.215.986</b>	<b>38.460.504.667</b>

**8. Chi phí khác**

	Năm 2023	Năm 2022
Các khoản bị phạt	45.951.453	347.226.935
Các khoản khác	73.948.896	44.699.000
<b>Cộng</b>	<b>119.900.349</b>	<b>391.925.935</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	999.900.384.031	962.359.939.184
Chi phí nhân công	215.354.292.926	215.779.785.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.964.370.715	82.803.633.373
Chi phí dịch vụ mua ngoài	351.047.852.274	509.109.251.304
Chi phí khác bằng tiền	25.308.310.305	185.714.032.559
<b>Cộng</b>	<b>1.652.575.210.251</b>	<b>1.955.766.642.394</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2023	Năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	26.285.842.155	37.825.010.019
a. Các khoản điều chỉnh tăng/giảm	103.193.104	62.794.138
Chi phí không hợp lệ	119.900.349	347.226.935
Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(16.707.245)	(284.432.797)
b. Thu nhập không tính thuế	(495.207.345)	(132.562.865)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(132.562.865)
Các khoản điều chỉnh khác	(495.207.345)	-
c. Ảnh hưởng của điều chỉnh hợp nhất	(4.879.173.837)	9.681.160.741
Thu nhập tính thuế	22.023.058.737	47.436.402.033
Thu nhập chịu thuế suất 20%	22.023.058.737	44.335.208.957
Thu nhập chịu thuế suất 10%	-	3.101.193.076
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trước khi giảm	4.404.611.747	9.177.161.099
Điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN năm 2022	(219.519.165)	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.185.092.582</b>	<b>9.177.161.099</b>

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm 2023	Năm 2022
- Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	975.834.767	(972.069.427)
- Thu nhập Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(454.733.355)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>975.834.767</b>	<b>(1.426.802.782)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.124.914.806	30.074.651.702
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.124.914.806	30.074.651.702
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	25.409.847	25.409.847
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>831,37</u>	<u>1.183,58</u>

**13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.124.914.806	30.074.651.702
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	21.124.914.806	30.074.651.702
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	25.409.847	25.409.847
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	25.409.847	25.409.847
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>831,37</u>	<u>1.183,58</u>

**14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**14.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh nào để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**14.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31/12/2023	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	198.917.242.496	3.316.557.395	202.233.799.891
Phải trả người bán	315.665.659.377	-	315.665.659.377
Chi phí phải trả	164.804.481.646	-	164.804.481.646
Các khoản phải trả khác	38.066.090.907	-	38.066.090.907
<b>Cộng</b>	<b>717.453.474.426</b>	<b>3.316.557.395</b>	<b>720.770.031.821</b>
Tại ngày 01/01/2023	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	369.296.923.326	18.366.572.738	387.663.496.064
Phải trả người bán	300.667.747.904	-	300.667.747.904
Chi phí phải trả	7.464.516.836	-	7.464.516.836
Phải trả khác	31.736.556.994	-	31.736.556.994
<b>Cộng</b>	<b>709.165.745.060</b>	<b>18.366.572.738</b>	<b>727.532.317.798</b>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay được thuyết minh chi tiết tại mục V.9

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của bên thứ ba tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý		
	31/12/2023	Dự phòng	Giá trị	01/01/2023	Dự phòng	Giá trị
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	108.532.937.558	-	73.145.881.876	-	-	73.145.881.876
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.978.334.056	-	5.702.775.656	-	-	5.702.775.656
- Phải thu khách hàng	710.445.023.556	(12.873.626.681)	703.407.394.847	(59.866.354.258)	(59.866.354.258)	643.541.040.589
- Phải thu khác	11.966.158.052	(383.541.210)	22.844.397.365	(383.541.210)	(383.541.210)	22.460.856.155
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>836.922.453.222</b>	<b>(13.257.167.891)</b>	<b>805.100.449.744</b>	<b>(60.249.895.468)</b>	<b>(60.249.895.468)</b>	<b>744.850.554.276</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Vay và nợ	202.233.799.891	-	387.663.496.064	-	-	387.663.496.064
- Phải trả người bán	315.665.659.377	-	300.667.747.904	-	-	300.667.747.904
- Chi phí phải trả	164.804.481.646	-	7.464.516.836	-	-	7.464.516.836
- Phải trả khác	38.066.090.907	-	31.736.556.994	-	-	31.736.556.994
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>720.770.031.821</b>	-	<b>727.532.317.798</b>	-	-	<b>727.532.317.798</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2023	Năm 2022
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.105.119.971.461	1.495.582.541.892

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2023	Năm 2022
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.256.349.962.378	1.631.156.296.530

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

**2a.1. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

**2a.2. Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**2a.3. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	Chức vụ	Tính chất thu nhập	Năm 2023	Năm 2022
Ông Phan Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	Lương và thưởng	527.125.583	636.663.836
Ông Nguyễn Chính Đại	Phó chủ tịch HĐQT	Lương và thưởng	501.680.000	759.502.441
Ông Nguyễn Công Hùng	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	27.220.000	185.894.381
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	-	64.000.000
Ông Nguyễn Tài Sơn	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Quang Thiện	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Cao Hải	Phó Giám đốc	Lương và thưởng	234.361.750	590.866.085
Ông Nguyễn Công Hòa	Phó Giám đốc	Lương và thưởng	736.048.083	555.459.291
Ông Lưu Minh Thành	Giám đốc	Lương và thưởng	605.610.083	393.199.000
Bà Mai Thị Vân Anh	Phó Giám đốc	Lương và thưởng	456.548.083	393.199.000
Ông Nguyễn Chí Tuyền	Phó Giám đốc	Lương và thưởng	486.050.583	-
Ông Bùi Chí Giang	Phó Giám đốc	Lương và thưởng	262.318.833	-
<b>Tổng</b>			<b>4.028.962.998</b>	<b>3.770.784.034</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 46

C VÀ 1/1 BT

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác****Giao dịch với công ty mẹ****Công ty Cổ phần SCI**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.195.529.747.437	1.213.403.719.548
Mua hàng hóa, dịch vụ	28.084.674.975	73.244.339.139

Mua hàng hóa, dịch vụ

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**Bên liên quan khác****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Tư vấn SCI

Cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần SCI Lai Châu

Cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần SCI Nghệ An

Cùng tập đoàn

**2b.1. Giao dịch với các bên liên quan khác****Giao dịch với các đơn vị cùng tập đoàn****Công ty Cổ phần SCI Nghệ An**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	9.936.535.345
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	233.982.956.477	667.837.639.998
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.148.725.418	11.597.548.291
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.332.775.366	6.922.111.111
Mua hàng hóa, dịch vụ	2.189.629.564	5.901.676.772

**Công ty Cổ phần SCI Lai Châu**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Mua hàng hóa, dịch vụ

**Công ty Cổ phần tư vấn SCI**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Mua hàng hóa, dịch vụ

**2b.2. Công nợ các bên liên quan khác**

Công nợ với các bên liên quan được trình bày tại mục phải thu, phải trả trong các thuyết minh V.3b; V.4b; V.13b; V.14b; V.17b.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận****3.1 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo lĩnh vực kinh doanh**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**3.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: trong lãnh thổ Việt Nam và ngoài lãnh thổ Việt Nam. Công ty phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo khu vực địa lý như sau:

Chỉ tiêu	Trong lãnh thổ Việt Nam		Ngoài lãnh thổ Việt Nam		Tổng cộng
	Nam	Nam	Việt Nam	Việt Nam	
1. Doanh thu thuần	266.198.592.444	1.214.037.241.088	1.214.037.241.088	1.480.235.833.532	
2. Chi phí	238.531.990.351	398.866.859.743	398.866.859.743	637.398.850.095	
- Giá vốn	231.615.252.590	1.228.837.174.540	1.228.837.174.540	1.460.452.427.130	
- Chi phí phân bổ	2.037.563.924	11.148.207.761	11.148.207.761	13.185.771.685	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.675.470.995	(25.948.141.213)	(25.948.141.213)	2.727.329.782	
4. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	2.409.766.380	-	-	2.409.766.380	
5. Tài sản bộ phận	83.630.081.694	372.389.450.159	372.389.450.159	456.019.531.853	
6. Tài sản không phân bổ	330.130.361.904	911.128.192.474	911.128.192.474	1.241.258.554.378	
Tổng tài sản	413.760.443.598	1.283.517.642.633	1.283.517.642.633	1.697.278.086.231	
7. Nợ phải trả bộ phận	133.395.823.454	617.643.093.883	617.643.093.883	751.038.917.337	
8. Nợ phải trả không phân bổ	114.148.189.058	334.578.240.836	334.578.240.836	448.726.429.894	
Tổng nợ phải trả	247.544.012.512	952.221.334.719	952.221.334.719	1.199.765.347.231	

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất ngày 01 tháng 01 năm 2023, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC.

## 5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Bùi Thị Hoa

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Cao Lữ Phi Hùng

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Thanh Hải

